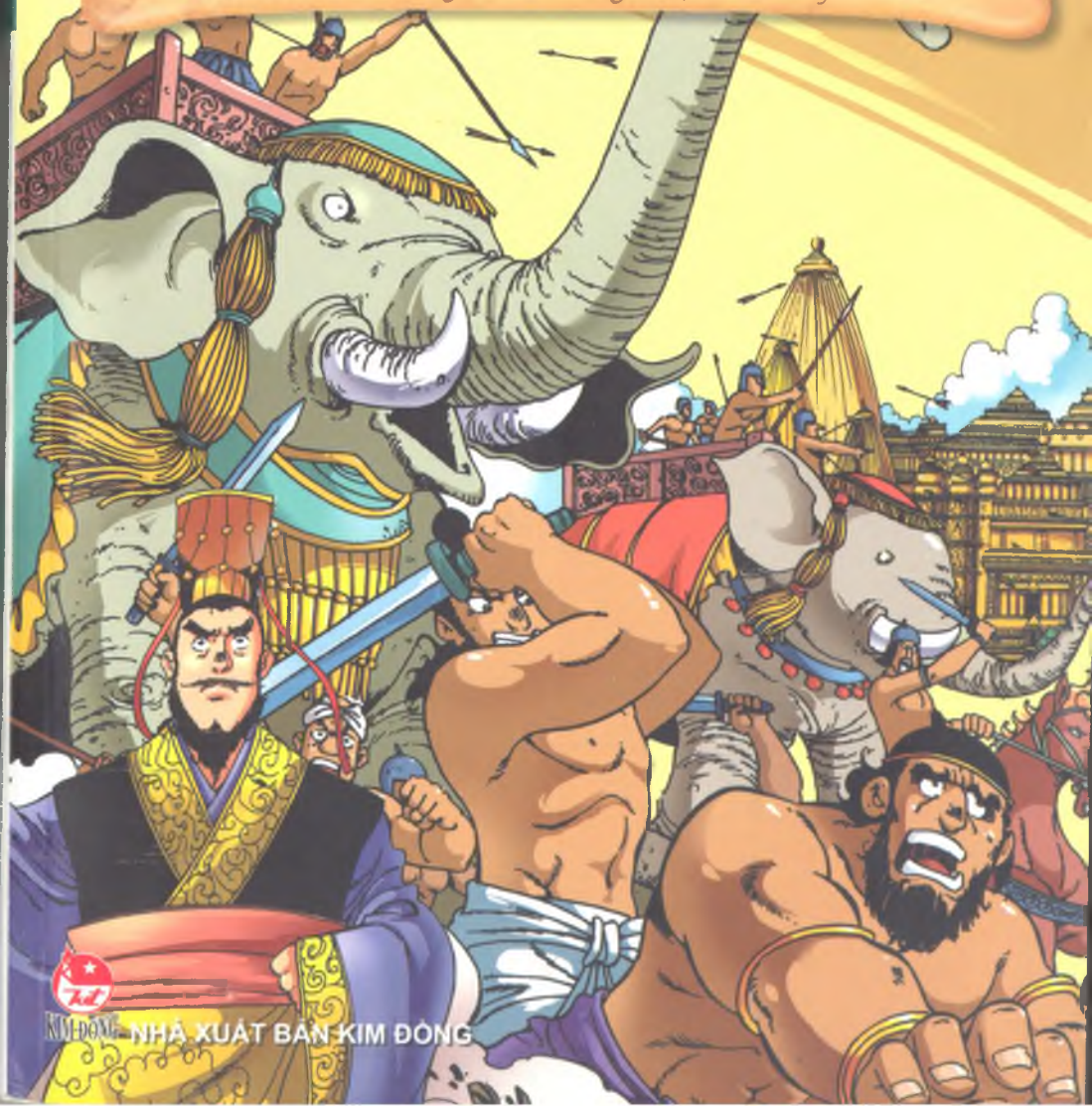


Lược sử thế giới bằng tranh

ẤN ĐỘ VÀ TRUNG HOÀ CỔ ĐẠI

Chủ biên: Zhang Wu Shun Người dịch: Thanh Uyên



NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐÔNG

Lược sử thế giới bằng tranh
ẤN ĐỘ VÀ TRUNG HÒA CỔ ĐẠI

Chủ biên: Zhang Wu Shun

Người dịch: Thanh Uyên



NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG



Trang 1:

Chương 1:

Ấn Độ cổ đại và Phật giáo

Năm 3000 TCN
Nền văn minh
nông nghiệp xuất
hiện tại lưu vực
sông Hoàng Hà.

Năm 2500 TCN
Văn minh Ấn
Độ xuất hiện.



MỤC LỤC



Nhà Tần thống
nhất Trung Hoa.
Doanh Chính
xứng đế.

Trang 167:

*Niên biểu
sự kiện lịch sử*

Trang 110: *Hán Sở
tranh hùng*

Trang 141: *Uy phong
của Tây Hán*

Trang 2: Xã hội Ấn Độ cổ đại

Trang 11: Sự ra đời của Phật giáo

Trang 31: Hoàng đế Asoka thúc đẩy Phật giáo

Năm 2000 TCN

Nền văn minh sông
Ấn cực thịnh.



Năm 1000 TCN

Người Aryan xây
dựng quốc gia tại lưu
vực sông Hằng, bắt
đầu sử dụng đồ sắt.

Năm 770 TCN

Chu Bình Vương dời
đô về Lạc Ấp, sử gọi
là Đông Chu, thời đại
Xuân Thu bắt đầu.

Năm 600 TCN

Bắc Ấn Độ bước vào
thời đại liệt quốc (các
nước phân tranh).

Năm 372 TCN

Triều đại Nanda
của Magadha
thống nhất Bắc
Ấn Độ.

Năm 480 TCN

Phật tổ Siddhartha
Gautama (Thích-ca
Mâu-ni) ra đời.



Trang 45:

Chương 2:

Tần Thủy Hoàng
thống nhất Trung Hoa

Trang 48:

Thương Chu diễn nghĩa

Trang 57:

Chiến Quốc tranh bá

Trang 79:

Thành lập triều đại
nhà Tần

Trang 109:

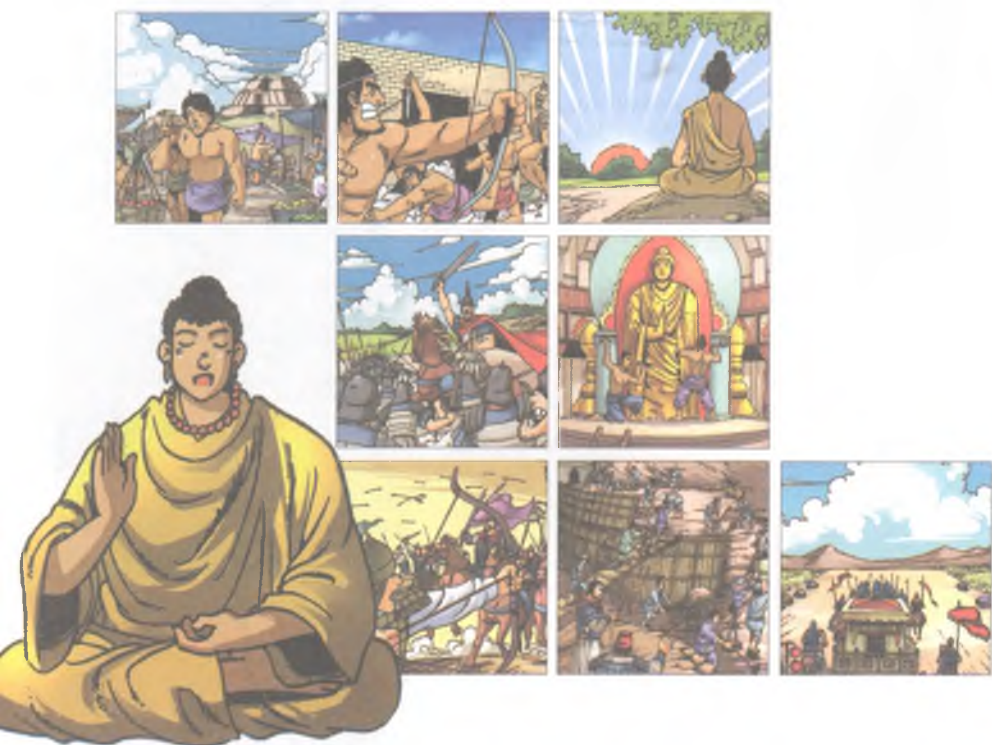
Chương 3: Triều Đại Hán
sùng sùng ở Đông Á



Lời mở đầu

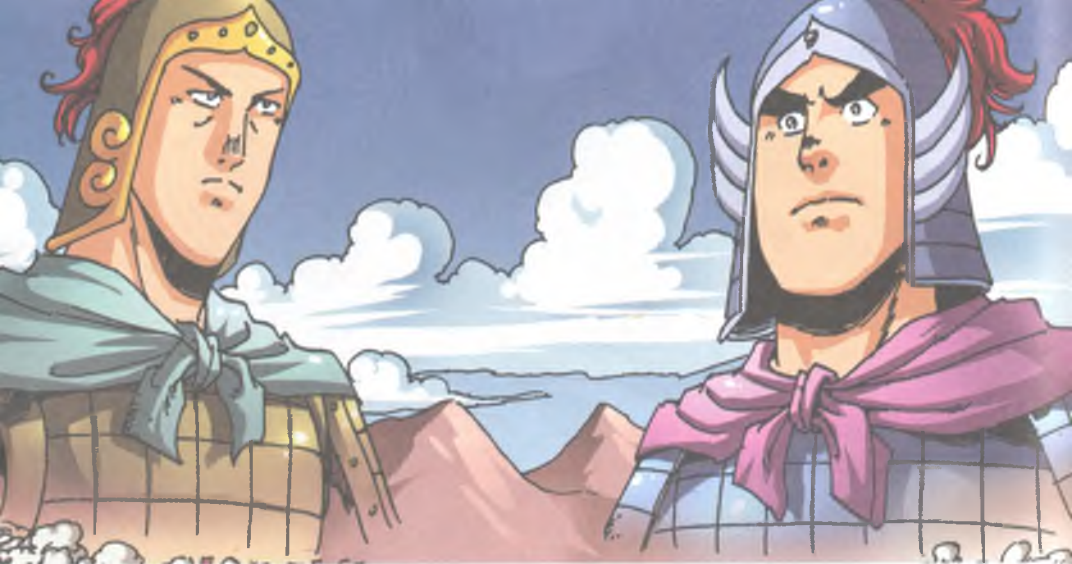
Trong cuốn sách này, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về văn minh Ấn Độ và văn minh Trung Hoa. Hai nền văn minh này xuất hiện muộn hơn văn minh Ai Cập và văn minh Lưỡng Hà.

Phạm vi địa lí của văn minh Ấn Độ tương đương với tiểu lục địa Ấn Độ ngày nay. Dãy núi và cao nguyên phía Bắc cách li hoàn toàn khu vực này với lục địa Âu Á. Những hóa thạch người vượn cổ được phát hiện đã chứng minh hàng triệu năm trước người cổ đại từng sinh sống ở đây. Những cư dân đầu tiên của Ấn Độ là người Dravidian. Họ đã sáng tạo ra văn minh cổ xưa nhất của Ấn Độ - văn minh sông Ấn. Sau đó, các dân tộc khác từ đầu dãy núi phía Tây Bắc như người Aryan, người Ba Tư, người Hy Lạp, người Nguyệt Chi, người Hung Nô, người Ả Rập, người Mông Cổ, lũ lượt kéo tới xâm lược Ấn Độ.





Các dân tộc này không hề bị văn hóa Ấn Độ đồng hóa, mà trái lại còn mang theo những tập quán sinh hoạt, tôn giáo và nền văn hóa mới mẻ đến vùng đất này. Tại Ấn Độ đã hình thành rất nhiều dân tộc mới, song những nền văn hóa này lại không hề hòa trộn vào nhau. Sự khác biệt về văn hóa đã gây chia rẽ trong dân tộc Ấn Độ, chẳng hạn: Sự xâm nhập của người Aryan dẫn đến sự phân chia 4 đẳng cấp: Bà La Môn (trăng lữ), Kshatriya (quý tộc và võ sĩ), Vaisya (nông dân và thương nhân), Soudra (nô lệ). Chính sự chia rẽ này làm nảy sinh những ảnh hưởng tiêu cực trong lịch sử Ấn Độ và vẫn còn kéo dài đến tận ngày nay.



Vì thế, văn hóa Ấn Độ tồn tại rất nhiều yếu tố ngoại lai, hơn nữa trong suốt quá trình lịch sử, Ấn Độ chưa từng thống nhất về chính trị.

Nếu văn minh Ấn Độ là sự chia rẽ và gián đoạn thì văn minh Trung Hoa là sự thống nhất và liên tục. Trong lịch sử, có rất nhiều dân tộc du mục từng xâm lược khu vực Trung Hoa, thậm chí còn lập nên vài triều đại, nhưng không phải là người Trung Nguyên* buộc phải chấp nhận ngôn ngữ và văn hóa của kẻ xâm lược, mà là những kẻ xâm lược luôn luôn bị nền văn hóa của Trung Nguyên đồng hóa nhanh chóng. Các dân tộc ngoại lai không gây chia rẽ trong dân tộc Trung Hoa như ở Ấn Độ, mà là hòa hợp hoàn toàn với người Trung Nguyên gốc. Người Trung Nguyên chính là chủng tộc da vàng, các dân tộc bị người Trung Nguyên chinh phục và các dân tộc chinh phục người Trung Nguyên cũng đều là chủng tộc da vàng. Vì thế trên cả dòng sông dài lịch sử, người Trung Nguyên từ đầu đến cuối đều thuộc cùng một chủng tộc, cùng một nền văn hóa, đồng thời chính trị cũng luôn duy trì được sự thống nhất.

* Ý chỉ khu vực trung và hạ lưu Hoàng Hà, là nơi phát nguyên của nền văn minh Trung Hoa.

Chương 1: Ấn Độ cổ đại và Phật giáo

Nội dung chính:

Xã hội Ấn Độ cổ đại

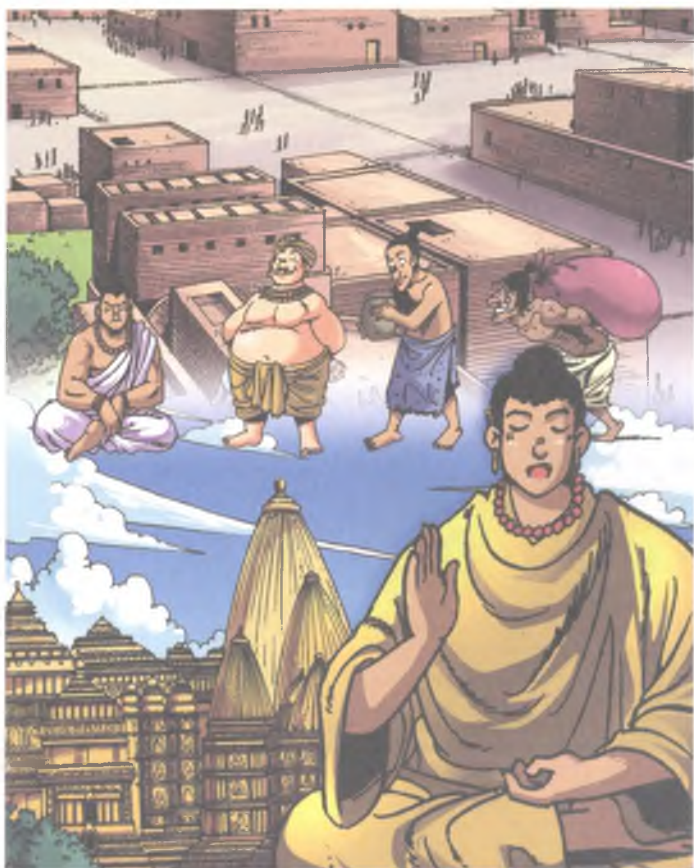
Sông Ấn và các đô thị cổ là bằng chứng lịch sử của nền văn minh Ấn Độ cổ đại. Các công trình kiến trúc trong những đô thị thời đó đều rất quy củ, ngăn nắp.

Sự ra đời của Phật giáo

Phật giáo cho rằng, nguồn gốc mọi đau khổ của con người là mong muốn có được những thứ không thể đạt đến. Trong vô số ham muốn của con người thì ham muốn tư lợi là lớn nhất.

Hoàng đế Asoka thúc đẩy Phật giáo

Khi Hoàng đế Asoka đang chinh phạt Magadha, do tận mắt chứng kiến nhiều cảnh tượng giết chóc, ông đã tỉnh ngộ. Vì thế ông ngừng việc mở mang lãnh thổ bằng vũ lực, lấy Phật pháp giáo hóa để chinh phục các nơi, đồng thời quy định Phật giáo là quốc giáo.



Xã hội Ấn Độ cổ đại

Khoảng 4.000 năm trước, tại một khu chợ trên đồng bằng do hai con sông Euphrates và sông Tigris bồi đắp...



CHIẾC BÌNH
NÀY THẬT
TINH XẢO!

NHỮNG THƯƠNG
NHÂN TỪ ĐẤT NƯỚC
PHƯƠNG ĐÔNG XA
XÔI MANG TỚI
ĐÂY!

ĐẤT NƯỚC
PHƯƠNG
ĐÔNG XA
XÔI Ư?

HỌ LÀ
AI VẬY?

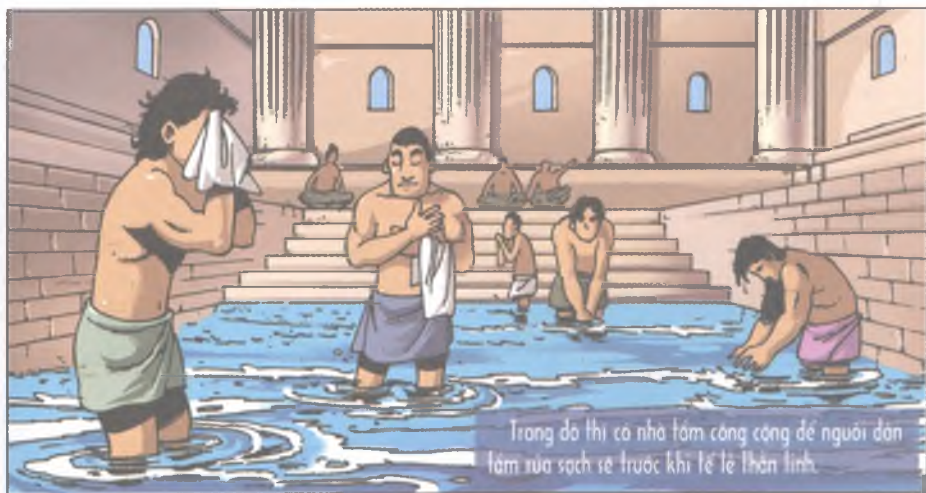
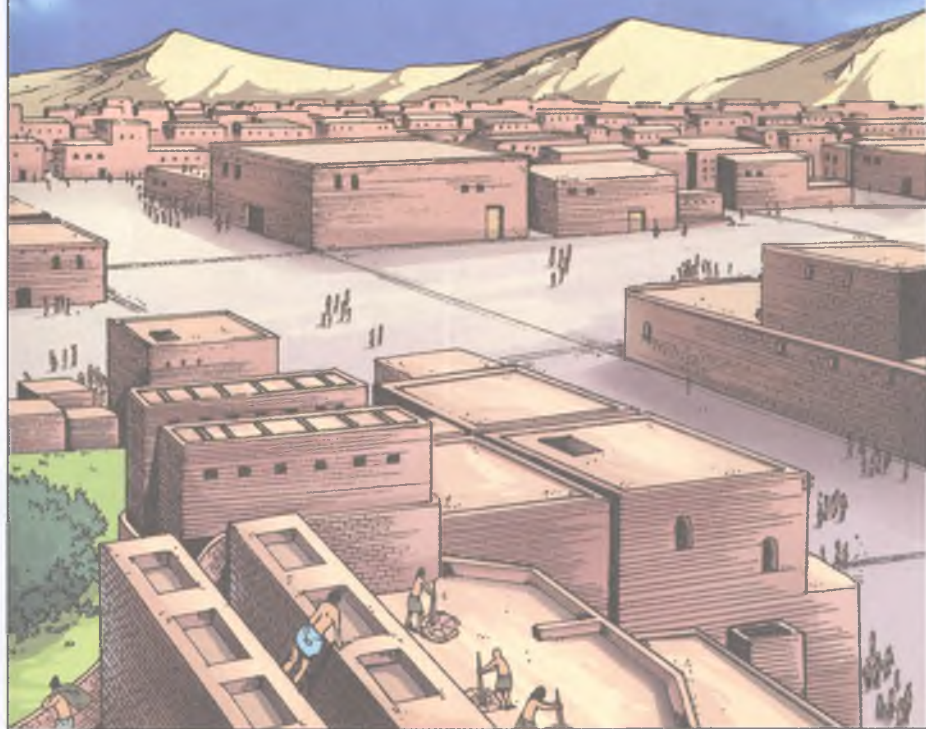


TÔI CŨNG
KHÔNG RÕ
LẮM.

CHỈ
NGHE
HỌ NÓI
LÀ...



Nơi đó đường phố không chỉ rộng rãi, quy củ, toàn là những ngôi nhà hai tầng được xây bằng gạch, mà còn lắp đặt cả đường ống nước nổi và đường ống nước ngầm.

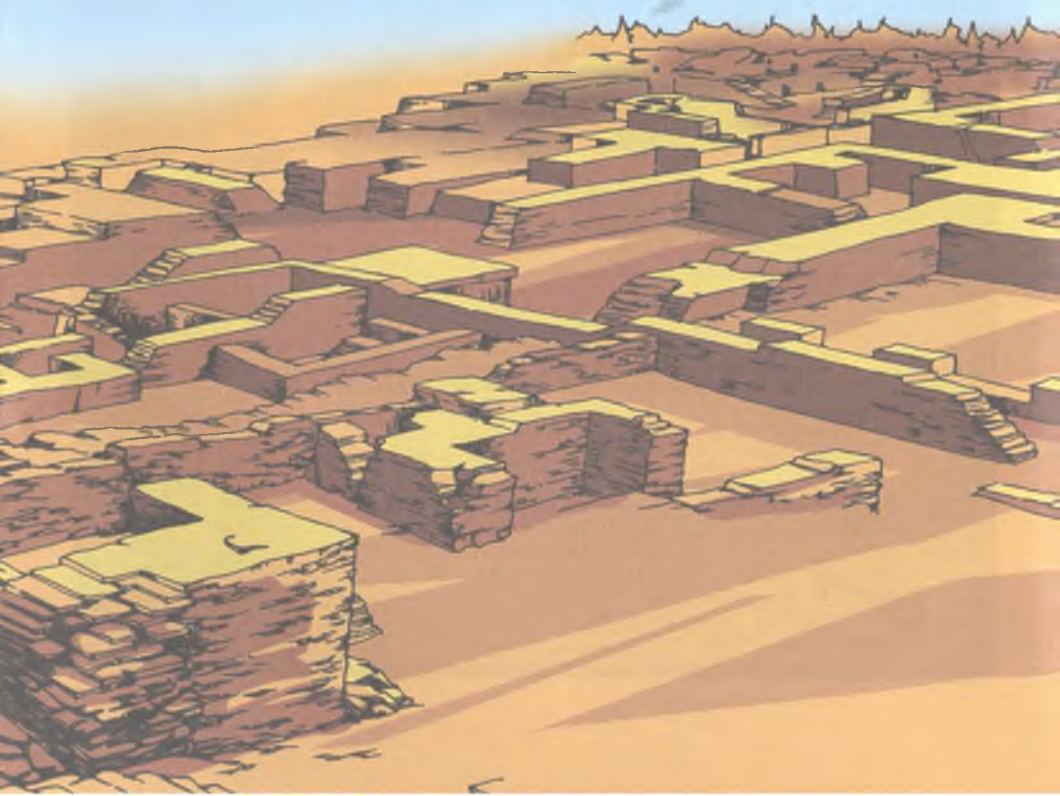


Trong đô thị có nhà tắm công cộng để người dân tắm rửa sạch sẽ trước khi tế lễ thần linh.





Nền văn minh của đất nước xa xôi đó chính là nền văn minh do sông Ấn chảy qua Pakistan nuôi dưỡng. Thế nhưng nền văn minh từng huy hoàng một thời này lại suy tàn vào khoảng năm 1800 TCN, có lẽ là do các nguyên nhân như: xảy ra trận động đất lớn, lũ lụt, dòng sông đổi dòng, rừng bị chặt phá bừa bãi hay việc buôn bán bị cắt đứt...







Trong thành
lũy của người
Dravidian.

KHÔNG HAY RỒI!
MỘT Đám người
từ PHƯƠNG BẮC
KÉO ĐẾN TÂN
CÔNG CHÚNG TÀI!



HỌ NGỒI TRÊN
THỦ KÌ DỊ GÌ ĐÓ
CHẠY NHANH
NHƯ GIÓ!

Gì
cơ?



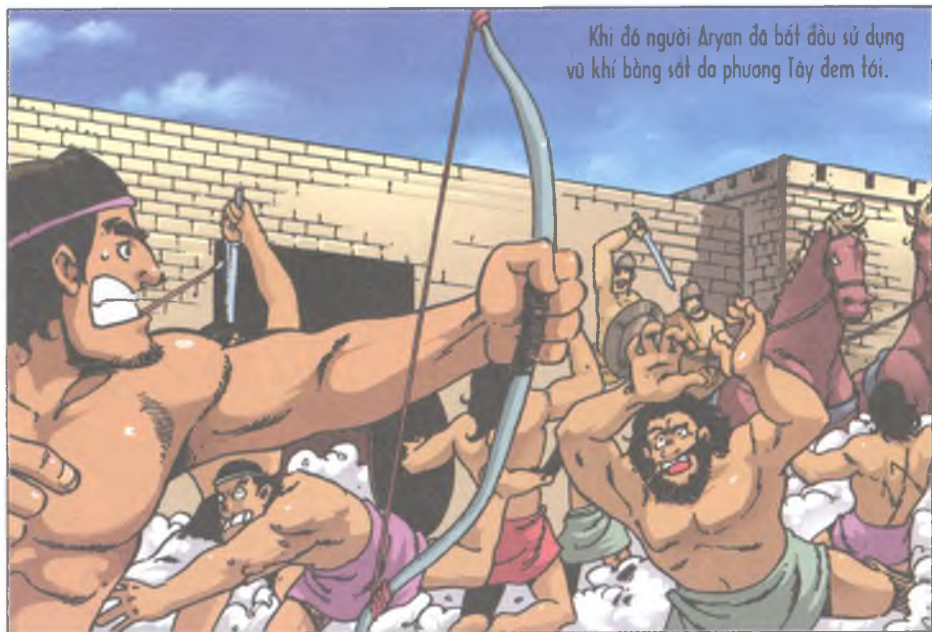
CRỘC CRỘC CRỘC CRỘC...



VÙNG ĐẤT
MỚI SẼ LÀ
CỦA CHÚNG
TA!

XÔNG
LÊN CÁC
ANH EM!

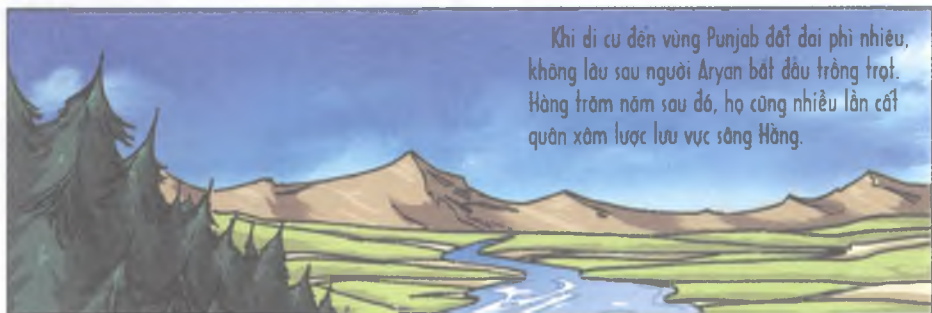




Khi đó người Aryan đã bắt đầu sử dụng vũ khí bằng sắt đã phương Tây đem tới.



Họ liên tục chinh phạt các dân tộc bản địa như người Dravidian và trở thành những chủ nhân mới trong lịch sử Ấn Độ.



Khi di cư đến vùng Punjab đất đai phì nhiêu, không lâu sau người Aryan bắt đầu trồng trọt. Hàng trăm năm sau đó, họ cũng nhiều lần cất quân xâm lược lưu vực sông Hằng.





Thần Mặt Trời trong tôn giáo Aryan.

Những ngôi làng của người Aryan dần dần phát triển thành đô thị, bình thành nên nhiều vương quốc. Trong vương quốc, các làng lại chuyển phụ trách tế lễ.



MỌI NGƯỜI HÃY NGHE ĐÂY! ĐẲNG CẤP CỦA CON NGƯỜI ĐÃ ĐƯỢC THẦN QUYẾT ĐỊNH SẴN TỪ KHI NGƯỜI TA MỚI SINH RA.





Con người được chia thành 4 đẳng cấp, đẳng cấp thứ nhất có quyền lực nhất là Bà La Môn gồm các tăng lữ.



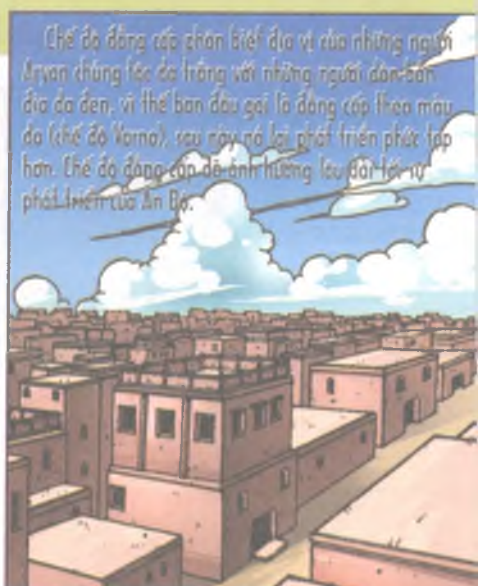
Đẳng cấp thứ 2 là Kshatriya, bao gồm quốc vương, quý tộc và võ sĩ.



Đẳng cấp thứ 3 là Vaisya, bao gồm nông dân và thương nhân.



Đẳng cấp thấp nhất chính là Soudra gồm các nô lệ.



Sự ra đời của Phật giáo

Khoảng thế kỉ 5 TCN,
ở Ấn Độ đã hình thành 16
quốc gia lớn nhỏ, chiến
tranh xảy ra liên miên.





Dân tộc Sakya (Thích-ca) -
Thành Kapilavastu



NƯỚC TA LÀ
MỘT NƯỚC NHỎ
LUÔN CHỊU SỰ
THỐNG TRỊ CỦA
KOSALA.

SIDDHARTHA, KHI
TRỞ THÀNH QUỐC
VƯƠNG, CON NHẤT
ĐỊNH PHẢI LÀM ĐẠT
NƯỚC LỚN MẠNH
HƠN.

BIẾT
KHÔNG
HÀ?

CON
BIẾT
RỒI Ạ.

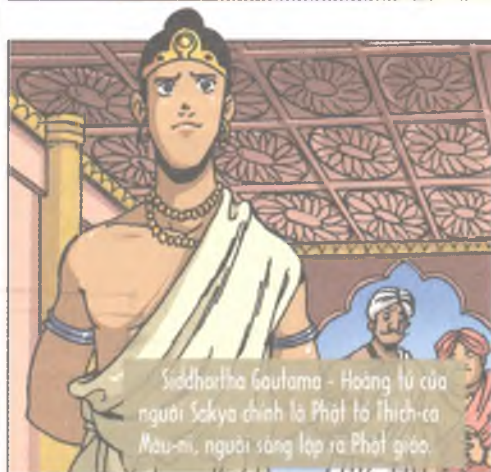
Siddhartha
Gautama
(Tất Đạt Đa
Cồ Đàm)

THỨA PHỤ
VƯƠNG, HOÀNG
NHÌ THẤY HƠI
MỆT, MUỐN VỀ
PHÒNG NGHỈ
NGÔI Ạ.

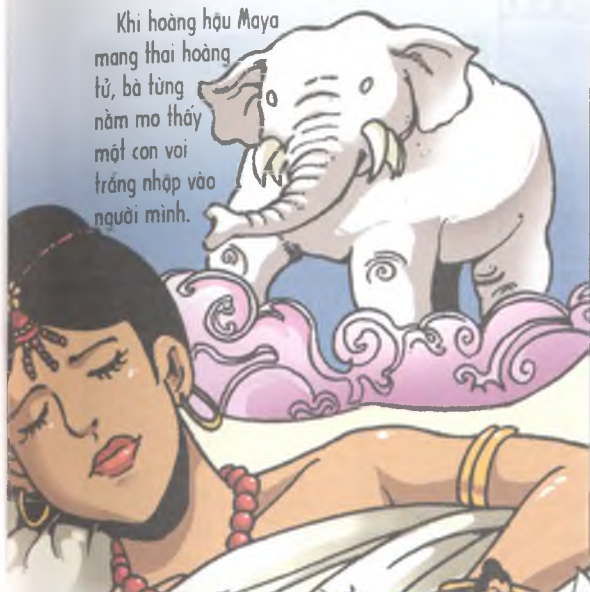
Ừ, THÔI
ĐƯỢC!

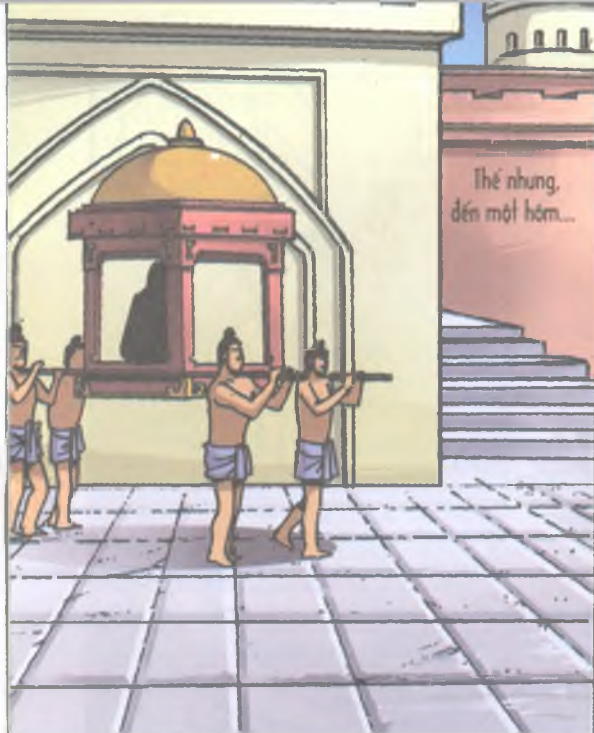






Khi hoàng hậu Maya mang thai hoàng tử, bà từng nằm mơ thấy một con voi trắng nhảy vào người mình.





Thế nhưng,
đến một hôm...

Hoàng tử nhìn thấy một cụ già
yếu ớt ở cửa thành phía Đông.



Khi đến cửa thành
phía Nam, hoàng tử
lại gặp một người
dầu ốm đang thương.

Rồi nhìn thấy một đám
đua tang ở cửa thành
phía Tây.









Khi đó hoàng tử đã lấy vợ sinh con. Ông vẫn
rất yêu thương vợ con, thế nhưng...



ĐỂ NGƯỜI
SAKYA CÓ
CUỘC SỐNG
TỐT ĐẸP
HƠN.

TÀ QUYẾT ĐỊNH
SẼ ĐI TỰ.



TÀ PHẢI
VƯỢT QUA
NỠI KHÓ
CỦA NHÂN
THẾ!



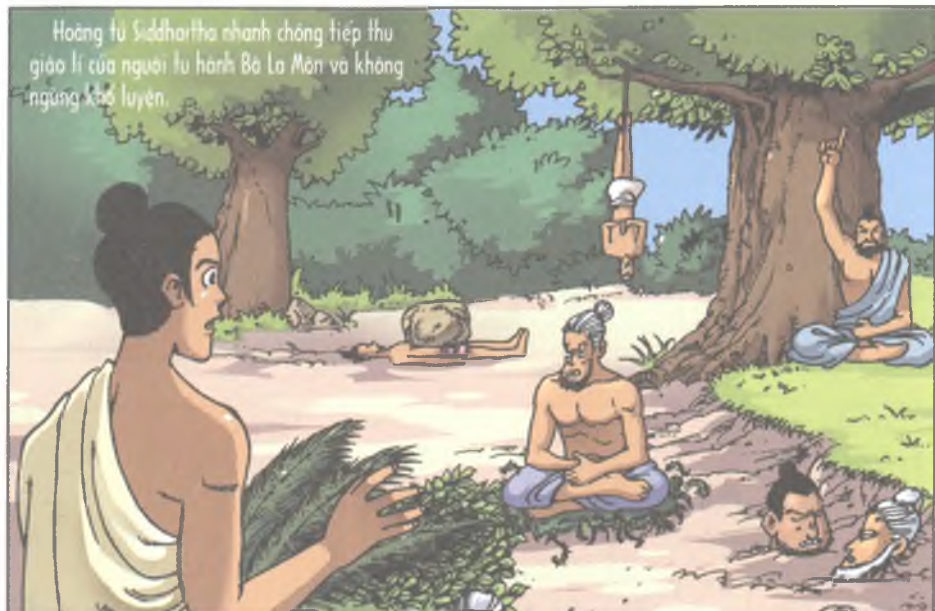
Một đêm khuya...



Hoàng tử Siddhartha lặng lẽ rời
khỏi hoàng cung, chọn làm người
hàng. Khi đó, hoàng tử mới 15 tuổi.



Hoàng tử Siddhartha nhanh chóng tiếp thu giáo lý của người tu hành Ba La Môn và không ngừng khổ luyện.



CHỈ CÓ THỰC SỰ KHỔ LUYỆN TU HÀNH

THÌ MỚI CÓ THỂ HẠNH PHÚC Ở KIẾP SAU.



TU HÀNH CHỈ LÀ ĐỂ CÓ ĐƯỢC HẠNH PHÚC Ở KIẾP SAU Ứ?



TÀ TU HÀNH LÀ ĐỂ GIÚP MỌI NGƯỜI VƯỢT QUA NỖI KHÓ CỦA THẾ GIỚI HIỆN TẠI, TÌM KIẾM SỰ BÌNH AN TRONG TÂM HỒN...

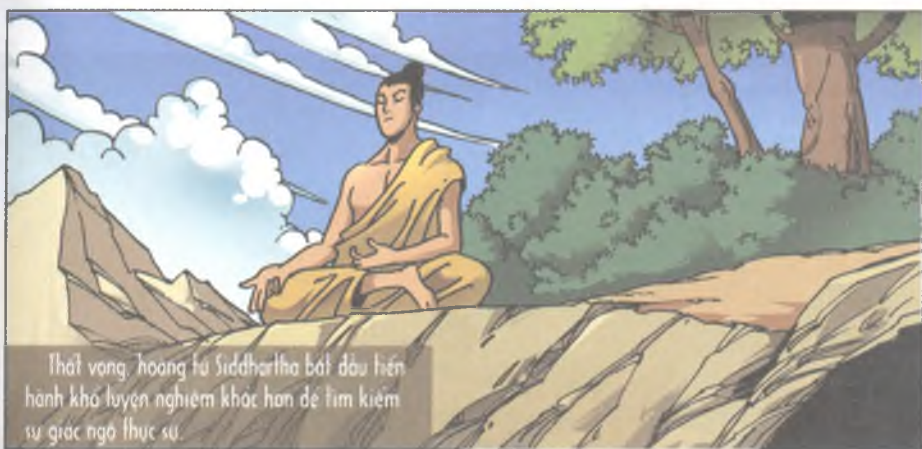


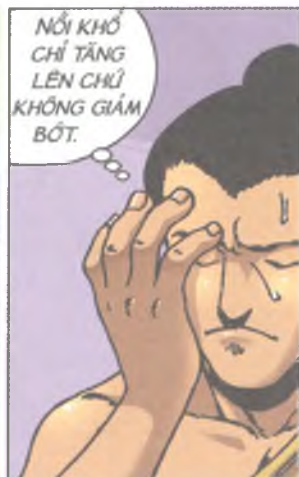
VÔ VÁN!

CHỈ CÓ TĂNG LŨ MỚI CÓ THỂ GIÁC NGỘ, CÒN VIỆC PHỔ ĐỘ CHÚNG SINH* LÀ ĐIỀU KHÔNG THỂ!



*Chỉ việc cứu giúp mọi người ra khỏi bể khổ.





VIỆC TU
HÀNH CŨNG
GIỐNG NHƯ
CĂNG DÂY
DẦN VẬY!

KHÔNG THỂ
MỘT MỤC THEO
ĐUỔI VIỆC KHÓ
LUYỆN, VÌ NHƯ
VẬY SẼ KHÔNG
THU ĐƯỢC
CHÍNH QUẢ.

ĐI THEO
CON ĐƯỜNG
TRUNG
DUNG MỚI
LÀ CHÍNH
XÁC.

Không lâu sau, Siddhartha đã nhận một bát súp với một lòng mìn người dân trong làng biếu cho. Ông cảm thấy đây là thức uống ngon nhất trong thời gian tu hành.



CẢM ƠN
CÔ!

SỨC KHỎE
CỦA TA ĐÃ
HỒI PHỤC!



Sau đó, Siddhartha ben ngồi thiền dưới một cây bồ đề cổ thụ, giác ngộ về những đạo lý vượt qua nỗi khổ.



Bất cứ chuyện gì xảy ra đều có nguyên nhân, vậy nguyên nhân của những thù khiến người ta đau khổ vì già yếu, bệnh tật, chết chóc là gì?

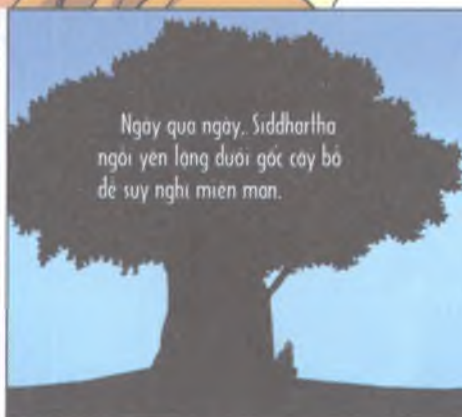


Đó chính là những ham muốn được trẻ mãi, khỏe mãi, sống mãi. Muốn vượt qua nỗi khổ của cuộc đời thì cần phải rũ bỏ những ham muốn đó.



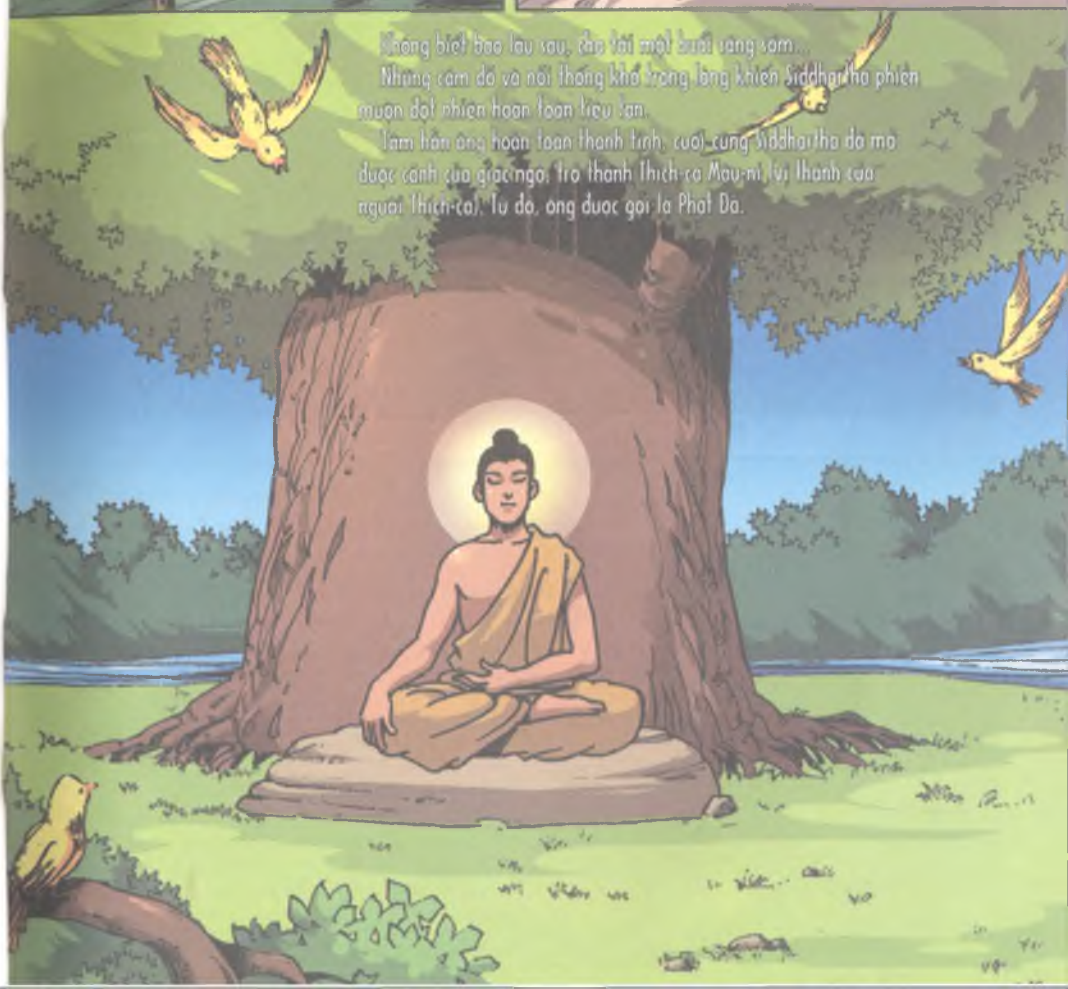
Vậy làm thế nào để rũ bỏ được chúng?

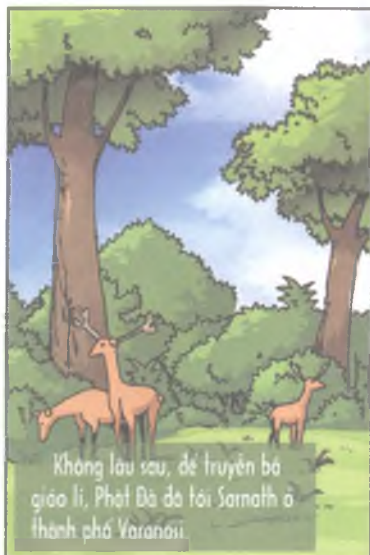
Ngày qua ngày, Siddhartha ngồi yên lặng dưới gốc cây bồ đề suy nghĩ miên man.





Không biết bao lâu sau, chỉ tại một buổi sáng sớm...
 Những cảm xúc và nỗi thống khổ trong lòng khiến Siddhartha phiên
 muốn đổi thiên hoàn toàn liễu tan.
 Tâm hồn ông hoàn toàn thanh tịnh, cuối cùng Siddhartha đã
 được cảnh của giác ngộ, trở thành Thích-ca Mâu-ni, tức thành của
 người Thích-ca. Từ đó, ông được gọi là Phật Đà.





Không lâu sau, để truyền bá giáo lý, Phật Đà đã tới Sarnath ở thành phố Varanasi.



Phật Đà ngồi đợi đến với 5 nhà tu hành, giảng dạy về giáo lý.



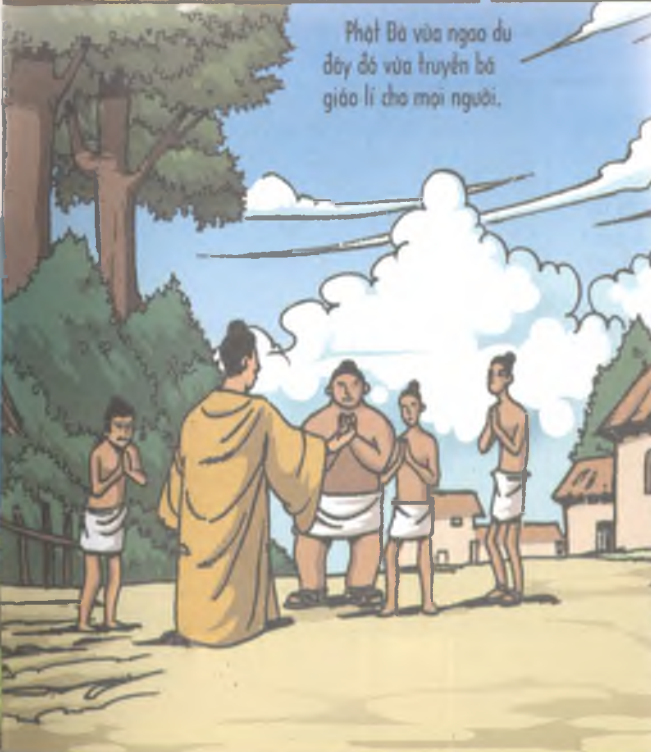
XIN HỎI NÊN LÀM THỂ NÀO THÌ MỚI XÓA BỎ ĐƯỢC HAM MUỐN?



TRƯỚC TIÊN PHẢI HIỂU CON NGƯỜI LÀ ĐA BIẾN, LÀ VÔ THƯỜNG. SAU ĐÓ...



Sống phải ngay thẳng, làm việc phải ngay thẳng, tâm địa phải ngay thẳng, đi đường phải ngay ngắn. Đối xử chính đáng với sự vật, suy nghĩ chính đáng, nói năng chính đáng, hành động chính đáng.



ĐƯƠNG NHIÊN
LÀ ĐƯỢC, TRONG
THẾ GIỚI CỦA
PHẬT, NGƯỜI
NGƯỜI ĐỀU
BÌNH ĐẲNG.



THĂNG
RANH!

NGƯỜI ĐỊNH
PHÁ HOẠI CHẾ
ĐỘ ĐẲNG CẤP
ĐÃ CÓ HẢ?



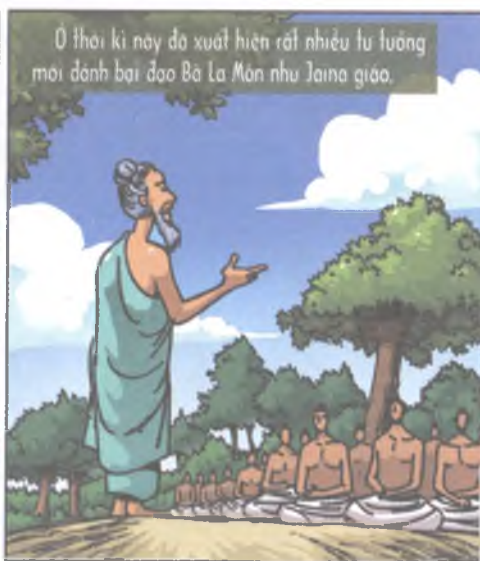
ÁNH MẶT TRỜI
KHÔNG CHỈ CHIẾU
RỌI TRÊN ĐẦU
CỦA NHỮNG
NGƯỜI BÀ LA
MÔN, ĐÚNG
KHÔNG?

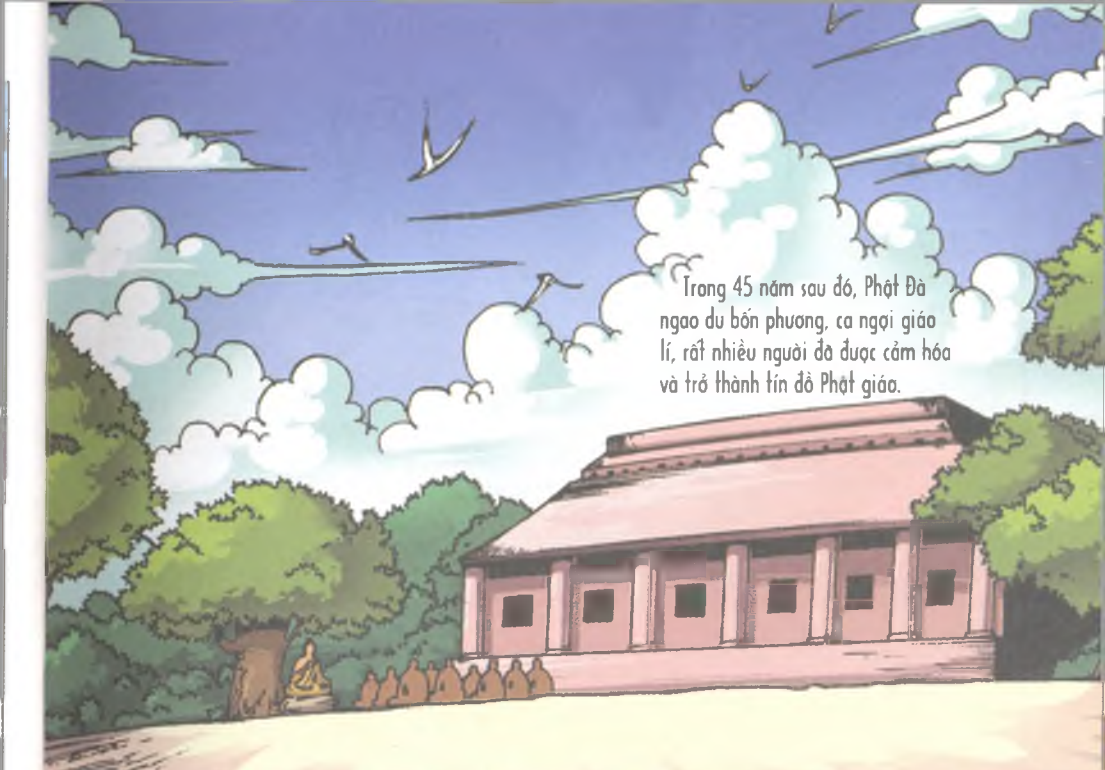


THẾ GIỚI GIÁC
NGỘ NHƯ THẾ
TIA SÁNG
MẶT TRỜI VẬY,
TẤT CẢ ĐỀU
BÌNH ĐẲNG!



Ở thời kì này đã xuất hiện rất nhiều tu tướng
mời dành bại đạo Bà La Môn như Jaina giáo.





Trong 45 năm sau đó, Phật Đà
ngao du bốn phương, ca ngợi giáo
lý, rất nhiều người đã được cảm hóa
và trở thành tín đồ Phật giáo.



Người Sakya đều trở thành tín đồ Phật
giáo. Con trai của Phật Đà là Rahula cũng
trở thành đệ tử của Phật Đà và cùng cha
truyền bá giáo lý của Phật giáo.



Cuối cùng Phật Đà tới một địa phương
có tên là Kushinagar...



Hình bên trái là bức
phủ điêu về cây bồ đề.
Tuồng truyền rằng Phật tổ
đã ngồi thiền và giác ngộ
dưới cây bồ đề, vì thế cây
bồ đề còn được gọi là cây
giác ngộ.

Hoàng đế Asoka thúc đẩy Phật giáo

Thích-ca Mâu-ni
qua đời được ít lâu
thì ở Ấn Độ lại xảy
ra chiến loạn.

Năm 327 TCN, Alexandros Đại đế của vương quốc Macedonia đem đại quân tới xâm lược Ấn Độ. Khoảng 20 năm sau, quốc vương Syria là Seleucus I* lại xâm lược Ấn Độ một lần nữa.

Thời kì này, Ấn Độ do triều
đai Maurya thống trị.

*Vị tướng dưới quyền Alexandros Đại đế. Sau khi Alexandros Đại đế qua đời, ông đã xây dựng vương quốc Syria.





QUÂN SYRIA! CÓ
GIỜ THÌ ĐÁNH TỚI ĐI!
QUÂN ẤN ĐỘ CHÚNG
TA KHÔNG SỢ CÁC
NGƯỜI ĐẤU!

Đội quân Ấn Độ do vua Chandragupta dẫn
đầu và đội quân Syria do vua Seleucus I dẫn
đầu đối mặt với nhau bên hai bờ sông Ấn.

Gì...
Gì cơ?

QUÂN ẤN ĐỘ
LẠI CÓ ĐỘI QUÂN
HÙNG MẠNH ĐẾN
THỂ Ủ!

XEM RA, QUÂN
TA KHÔNG THỂ
NẮM CHẮC PHẦN
THẮNG HOÀN
TOÀN RỒI.

TỐT NHẤT
LÀ NGHỊ HÒA VỚI
CHANDRAGUPTA
THÔI!

Quân Syria và quân Ấn Độ
đã kí kết hòa ước.



ĐẠI VƯƠNG TRỊ QUỐC
THẬT TÀI TÌNH, KHIÊN
CHO NGƯỜI NGƯỜI
KHÂM PHỤC. TÔI MUỐN
GÁI CON GÁI CHO NGÀI
LÀM VƯƠNG PHỤ,
NGÀI THẤY THẾ
NÀO?

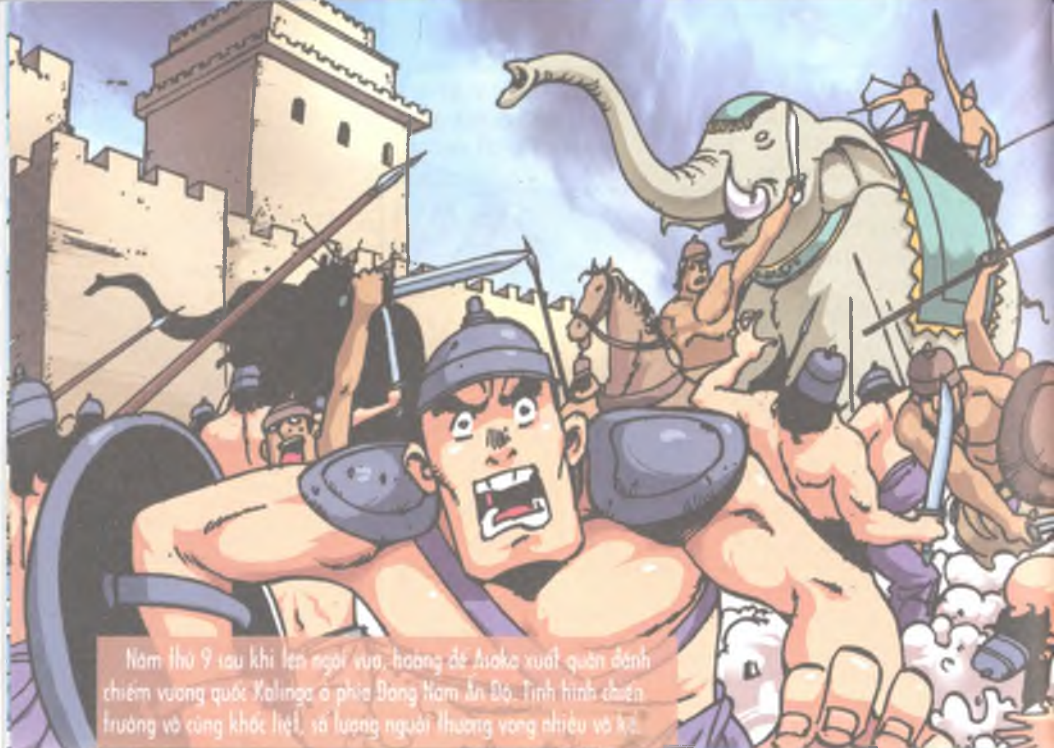
TUYỆT QUÁ! BẠN VƯƠNG
SẼ TẶNG 500 CON VOI
LÀM LỄ VẬT!

VUA SELEUCUS I

VUA CHANDRAGUPTA

Sau đó, triều đại Maurya
ngày càng hùng mạnh, khi
truyền đến đời thứ ba thuộc
Hoàng đế Asoka, thế lực của
quốc gia đã đạt đến đỉnh cao.

Hoàng đế Asoka không chỉ thông minh
được lưu vực sông Ấn và sông Hằng mà còn
mang bờ cõi của triều đại Maurya tới
tận rìa miền Deccan.



Năm thứ 9 sau khi lên ngôi vua, hoàng đế Asoka xuất quân đánh chiếm vương quốc Kalinga ở phía Đông Nam Ấn Độ. Tình hình chiến trường vô cùng khốc liệt, số lượng người thương vong nhiều vô kể.



Tuy nhiên số người chết do đói rét và bệnh dịch còn nhiều hơn số người chết vì chiến tranh.



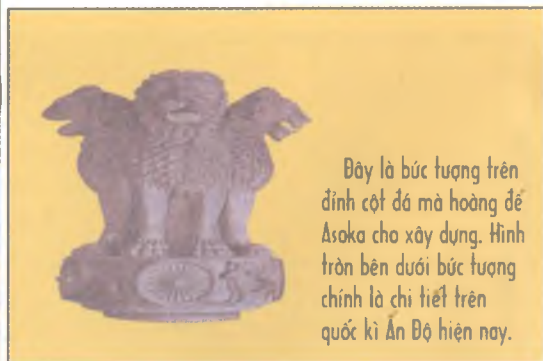
HU...
HU...

HOÀNG ĐẾ ASOKA









Sau khi trở thành tín đồ Phật giáo, hoàng đế Asoka đã đi tham những nơi Phật tử lòng kính, đóng thành các đền tháp Phật tại nơi Phật đã sinh ra.

Ông còn ra lệnh lập nhà tế đàn để cứu tế dân nghèo và nơi nhận nuôi động vật.

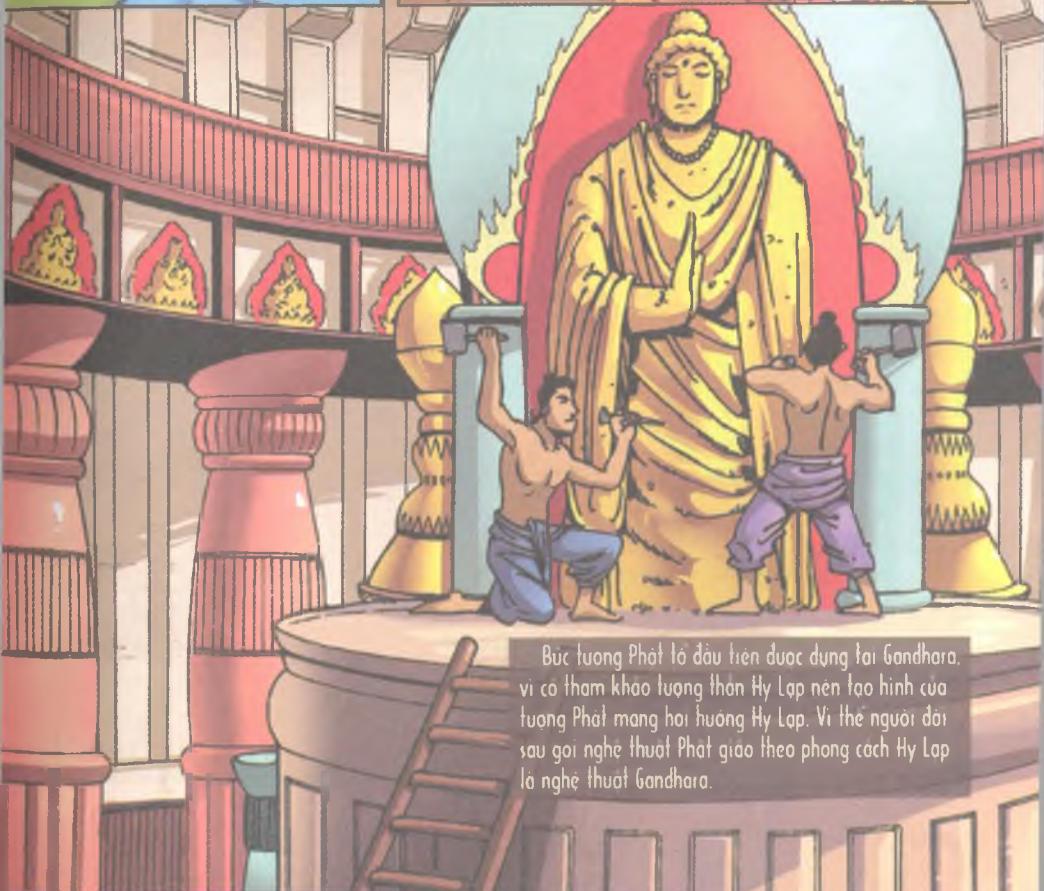
TA MUỐN CÁC KHANH
TRUYỀN BỐ NHỮNG
GIÁO LÝ TỐT ĐẸP CỦA
THÍCH-CÁ MẬU-NI RA
TOÀN THẾ GIỚI.

Hoàng đế Asoka cử các tăng lữ Phật giáo tới đảo Ceylon (Sri Lanka ngày nay) khuếch trương Phật pháp. Ít lâu sau, Phật giáo từ đảo Ceylon du nhập vào các nước Đông Nam Á.

Tháp Stupa ở Sri Lanka

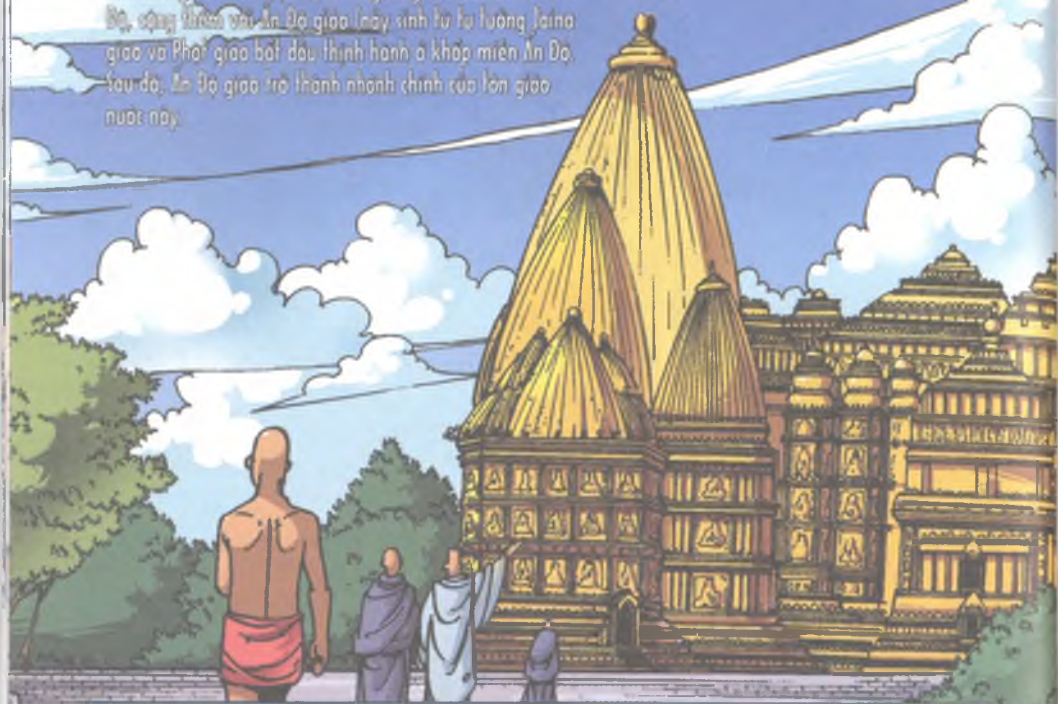


Không lâu sau khi hoàng đế Asoka băng hà, triều đại Maurya suy tàn. Vào khoảng thế kỉ 1, đế quốc Kushan bắt đầu thống trị Ấn Độ. Đế quốc Kushan bước vào thời kì cực thịnh dưới thời Kanishka I - vị vua đời thứ ba tại vị.



Bức tượng Phật là đầu tiên được dựng tại Gandhara, vì có tham khảo lượng thân Hy Lạp nên tạo hình của tượng Phật mang hơi hướng Hy Lạp. Vì thế người đời sau gọi nghệ thuật Phật giáo theo phong cách Hy Lạp là nghệ thuật Gandhara.

Vào khoảng thế kỉ 3, triều đại Gupta thay thế triều đại Kusan thống trị Ấn Độ. Thời đó lấy giáo lí Bà La Môn làm nền tảng, rồi hòa trộn với tín ngưỡng của dân bản xứ Ấn Độ, cộng thêm với Ấn Độ giáo (hay sinh từ từ lượng Jaina giáo và Phật giáo) bắt đầu thịnh hành ở khắp miền Ấn Độ, sau đó, Ấn Độ giáo trở thành nhánh chính của tôn giáo nước này.



Từ cuối thế kỉ 7, Phật giáo ở Ấn Độ đã bắt đầu suy yếu, đến thế kỉ 13 thì gần như biến mất hoàn toàn. Thế nhưng Phật giáo lại được truyền bá tới các nước Đông Nam Á, Trung Hoa, Nhật Bản, trở thành một trong ba tôn giáo lớn nhất thế giới cùng với Cơ Đốc giáo, Hồi giáo.



Nền văn minh Ấn Độ

Từ năm 2200 TCN đến năm 2000 TCN, nền văn minh sớm nhất tại lưu vực sông Ấn, hay còn gọi là văn minh sông Ấn, bước vào thời kỳ cực thịnh. Các di chỉ tại các thành phố Harappa và Mohenjo-Daro chính là những đại diện điển hình cho nền văn minh này. Thế nhưng vào khoảng năm 1800 TCN, văn minh sông Ấn đột nhiên suy thoái, nguyên nhân không rõ, nhưng trong những văn kiện sau này cũng không thấy ghi chép gì cả.

Đến khoảng đầu thế kỷ 14 TCN, người Aryan (tổ tiên đến từ châu Âu) ở phía Tây Bắc tới xâm lược Ấn Độ. Tại lưu vực sông Ấn và sông Hằng, người Aryan đã xây dựng nhiều vương quốc, đồng thời hình thành chế độ đẳng cấp và Bà La Môn giáo.

Do tranh giành quyền lợi, các vương quốc của người Aryan gây chiến nhau, các tiểu quốc không ngừng bị sáp nhập. Đến đầu thế kỷ 6 TCN, phía Bắc tiểu lục địa Ấn Độ chỉ còn lại 16 quốc gia.

Trong lịch sử, người ta gọi thời kỳ này là thời kỳ liệt quốc (các nước phân tranh với nhau).

Thời kỳ liệt quốc là thời kỳ phồn thịnh của văn hóa Ấn Độ, sản sinh ra nhiều tư tưởng và học thuyết như Phật giáo, Jain giáo. Trong thời kỳ này, người Ba Tư và người Hy Lạp cũng từng lần lượt xâm chiếm lưu vực sông Ấn.

Vào năm 321 TCN, Chandragupta đã lật đổ sự thống trị Ấn Độ của người Hy Lạp, xây dựng triều đại Maurya. Đến đời vua thứ 3, dưới sự thống trị của hoàng đế Asoka, lãnh thổ của đế quốc Maurya đã đạt tới phạm vi rộng lớn nhất. Thế kỷ 1 TCN, triều đại Maurya suy thoái, phía Bắc Ấn Độ một lần nữa lại rơi vào thời kỳ chia cắt hỗn loạn.

TỪ ĐIỂN BẠCH KHOA
LỊCH SỬ BỎ TÚI

Nền văn minh sông Ấn

Nền văn minh sông Ấn là nền văn minh thời kỳ đồ đồng của tiểu lục địa Nam Á, từ khoảng năm 2000 TCN hoặc khoảng năm 1750 TCN, do phát triển từ lưu vực sông Ấn nên mới có tên như vậy. Mohenjo-Daro và Harappa là hai thành phố điển hình của nền văn minh này, đều có quy mô tương đối lớn.

Cư dân của nền văn minh sông Ấn chủ yếu sống bằng nghề nông và chăn nuôi gia súc, ngoài ra họ còn làm nghề đánh bắt cá và nghề thủ công. Nghề gia công kim loại với nguyên liệu chính là đồng và đồng thau đã áp dụng các kỹ thuật như rèn, khảm, hàn và đúc để chế tạo ra các loại rìu, lưỡi câu cá, giáo, kiếm... Những vật dụng như khay tròn có đế cao là đặc sắc nhất.

Thời đó còn xuất hiện cả nghề dệt bông, nghề đóng thuyền, nghề gia công ngựa voi, nghề gia công đá... Việc buôn bán với bên ngoài phát triển, giao thương cả bằng đường bộ và đường biển với các nơi như Trung Á, Ba Tư, vùng Lưỡng Hà và Ai Cập...



Thời đó đã có chữ viết, số lượng kí hiệu lên tới 500. Các bức tượng đồng được chế tạo rất tinh xảo và đẹp mắt, có hình vũ nữ, cỗ xe và tượng động vật. Những con dấu làm bằng đồng, ngà voi và gốm cũng cực kỳ đặc sắc.

Khu vực trung tâm của nền văn minh sông Ấn bắt đầu suy tàn vào khoảng năm 1800 TCN. Nhiều người cho rằng nguyên nhân chủ yếu là do sự xâm lược quy mô lớn của các dân tộc bên ngoài. Theo một quan điểm khác tương đối thuyết phục hơn thì là do trận động đất mạnh xảy ra vào khoảng năm 1700 TCN và trận lũ lụt lớn do lún động đất đó gây nên.



Nam Ấn Độ

Do phía Nam Ấn Độ có cao nguyên Deccan và các dãy núi Vindhya, Satpura ở phía Bắc làm bình phong, cộng thêm với sông Narmada và sông Tapti tạo thành hàng phòng vệ tự nhiên, vì thế mà tránh được sự xâm lược ồ ạt của các vương quốc phương Bắc.

Do tư liệu lịch sử để lại quá ít, cho nên những hiểu biết của chúng ta về phía Nam Ấn Độ trước thời hoàng đế Asoka không nhiều. Nhưng có một điều rất rõ ràng là các nền văn hóa và quốc gia ở phương Nam cho dù bị chia cắt thành những nhóm đối kháng lẫn nhau đi chăng nữa thì cũng giống như phương Bắc nằm dưới sự kiểm soát của người Aryan, đều có những cống hiến nhất định để hình thành nên nền văn minh Ấn Độ cổ đại.

Mohenjo-Daro

Mohenjo-Daro là một kinh đô cổ của Ấn Độ, đại diện cho các di chỉ của nền văn minh sớm nhất. Xung quanh kinh đô đều có những tòa tháp phòng ngự. Công trình kiến trúc trung tâm của kinh đô là một nhà tắm công cộng lớn dùng cho việc tổ chức nghi thức tôn giáo nào đó, chiều dài khoảng 12 m, rộng 7 m, sâu 2,4 m. Ở phía Đông Bắc của nhà tắm này là một quần thể kiến trúc, trong đó có một tòa nhà rất dài và rộng, có thể đây là nơi cư trú của tầng lớp thống trị. Ở phía Tây của nhà tắm công cộng có một kho lương thực quy mô cực lớn. Phía Nam của kinh đô còn có một quần thể kiến trúc mà trung tâm của nó là phòng hội họp. Khu dân cư ở tầng dưới, đường phố quy củ, các con phố chính rộng tới 10 m. Nhà cửa trên phố chủ yếu được xây bằng gạch nung màu đỏ, kích cỡ, độ cao thấp và cách bài trí của các ngôi nhà đều khác nhau, trong đó có cả những tòa nhà rất sang trọng và cả những mái nhà tranh vỏ cùng rách nát. Ở khu nhà giàu còn có thiết bị thoát nước hoàn hảo được xây bằng gạch nung, thứ mà ở khu người nghèo khổ không có. Điều này chứng tỏ sự phân hóa đẳng cấp trong xã hội thời đó đã vô cùng rõ nét.

Kinh Veda (Kinh Vệ Đà)

Nghĩa gốc của "Veda" là "tri thức", "trí tuệ". Đây là tuyển tập các bài ca, bài kinh và lời bùa chú được các quan tư tế sử dụng khi tế thần. "Kinh Veda" tổng cộng có bốn bộ là: "Rig Veda" (Lê Cầu Vệ Đà), "Yayur Veda" (Dạ Nhu Vệ Đà), "Sama Veda" (Sa Ma Vệ Đà), "Atharva Veda" (A Thát Bà Vệ Đà).

Trong 4 bộ này, "Rig Veda" được viết thành sách vào khoảng năm 1500 TCN đến năm 900 TCN, là tuyển tập của hơn 1.000 bài thơ ca hiến tặng các vị thần của người Aryan. "Sama Veda" là tập hợp những bài ca được phối thêm giai điệu biểu diễn. "Yayur Veda" lại là một bộ cấm nang dành cho giới tư tế. "Atharva Veda" là tuyển tập dân ca của những người dân bản xứ, được cho là một tuyển tập lời bùa chú có

thể chữa trị bệnh hiệu quả và tiêu diệt kẻ thù.

Tóm lại, "Kinh Veda" chứa đựng thánh thư của người Aryan Ấn Độ và những giáo lí cơ bản để hình thành tôn giáo sau này. Cũng giống như các bộ kinh của Do Thái giáo, Cơ Đốc giáo, Hồi giáo, "Kinh Veda" được coi là những lời chỉ bảo của thần.



Chế độ đẳng cấp

Người Ấn Độ cổ đại được chia thành 4 đẳng cấp đó là: Bà La Môn (Brahman), Kshatriya, Vaisya và Soudra. Nhưng thực ra còn có tầng lớp Pariah thấp hơn cả đẳng cấp Soudra như tù binh chiến tranh và những người bị xử phạt vì không tuân thủ chế độ đẳng cấp.

Đẳng cấp bắt đầu xuất hiện khi người Aryan tiến vào Nam Á khoảng năm 2000 TCN. Sự phân biệt đẳng cấp được quyết định theo thân phận mỗi người từ lúc chào đời, chỉ cần sống trong xã hội đó thì người ta không thể thay đổi được đẳng cấp của mình.

"Bộ luật Manu" là bộ luật điển hình nhất bảo vệ chế độ đẳng cấp. Nó quy định rằng người Bà La Môn là người làm chủ thế giới con người, người Soudra chỉ có thể ngoan ngoãn phục dịch cho các đẳng cấp khác, không được tích lũy tài sản cá nhân, không được có bất kì hành động, lời nói bất kính nào đối với các đẳng cấp cao hơn. Người Bà La Môn và người Kshatriya có quyền cướp đoạt tất cả mọi thứ của người Soudra.

Ranh giới giữa các đẳng cấp vô cùng ngặt nghèo, họ không thể kết hôn với nhau, không thể cùng ăn uống, cùng ngồi bên nhau. Người ở đẳng cấp cao kết hôn với người ở đẳng cấp thấp (đặc biệt là với Pariah) thì có thể bị xử tử hình. Người ở đẳng cấp thấp lăng mạ người ở đẳng cấp cao, nếu mức độ nhẹ thì phạt nặng, mức độ nặng thì bị xử bằng nhục hình tàn khốc. Nếu người ở đẳng cấp cao giết hại một người Soudra thì chỉ cần đền bù bằng một con súc vật là xong.

Trong nội bộ mỗi đẳng cấp đều có người giám sát xem mọi người có tuân thủ "Bộ luật Manu" và các tập tục truyền thống hay không. Một khi có người vi phạm, mức nhẹ thì sẽ do quan tư tế Bà La Môn xử phạt, mức nặng thì bị khai trừ ra khỏi đẳng cấp và bị coi là Pariah.

Cho dù sau khi Ấn Độ giành được độc lập, người ta đã xóa bỏ chế độ đẳng cấp, nhưng xã hội Ấn Độ ngày nay vẫn còn giữ lại những tàn dư của chế độ đẳng cấp, gần như chế độ đẳng cấp đã in dấu lên mỗi người dân Ấn Độ.

Bà La Môn giáo

Khi xâm lược Ấn Độ, người Aryan liên lập ra tôn giáo nguyên thủy với việc tế lễ là cốt lõi. Họ tin rằng "vạn vật có linh hồn" và thế giới được chia làm ba cõi: cõi người phàm trần, cõi thần thánh, cõi linh hồn (nơi an nghỉ của người sau khi chết). Bằng việc tế lễ, người phàm trần có thể kết nối với cõi thần thánh và cõi linh hồn. Thời đó, họ thờ phụng đa thần như thần trên trời, thần chiến trường.

Cùng với sự hình thành quốc gia và chế độ đẳng cấp, để củng cố sự thống trị của mình, các tầng lớp Aryan cải cách từ việc sùng bái đa thần ban đầu thành học thuyết tôn giáo tương đối hệ thống, tức Bà La Môn giáo. Các tầng lớp còn sáng tạo ra đấng Brahma, tức đấng Phạm Thiên (người sáng tạo ra vũ trụ, đấng tối cao của trời đất).

Bà La Môn giáo còn thêm tư tưởng luân hồi vào giáo lý của họ, sáng tạo ra thuyết "Nghiệp lực luân hồi", ca ngợi báo ứng nhân quả.

Bà La Môn giáo ra sức bảo vệ chế độ đẳng cấp, khuyến răn mọi người an phận tuân theo quy tắc thì mới được thiện báo trong kiếp sau.

Bộ kinh chủ yếu của Bà La Môn giáo là "Kinh Veda".



Phật giáo

Người sáng lập ra Phật giáo là Siddhartha Gautama, các tín đồ Phật giáo tôn ông là Thích-ca Mâu-ni, gọi tắt là Phật Đà.

Quá trình phát triển của Phật giáo ở Ấn Độ đại khái có thể chia thành 5 giai đoạn lịch sử dưới đây:

Phật giáo nguyên thủy: Phật giáo ở thời kì do Thích-ca Mâu-ni sáng lập, các đệ tử của ông kể thừa và truyền bá.

Phật giáo Bộ phái: 100 năm sau khi Phật Đà nhập cõi Niết Bàn, nội bộ Phật giáo bắt đầu chia rẽ. Sự phân hóa đầu tiên là Đại Chúng bộ và Thượng Tọa bộ, gọi là hai bộ căn bản. Về sau từ hai bộ căn bản lại phân hóa thành 18 bộ hoặc 20 bộ, gọi là bộ phái nhánh cuối. Phật giáo Thượng Tọa bộ cũng gọi là Phật giáo Tiểu thừa.

Phật giáo Đại thừa: Trong thời kì thịnh hành Phật giáo Bộ phái, tư tưởng Đại thừa đã bắt đầu nảy sinh và truyền bá ở Nam Ấn Độ.

Phật giáo Thượng Tọa bộ: Phật giáo Thượng Tọa chủ yếu tăng cường nghiên cứu và giải thích một cách nghiêm túc, cẩn thận về giáo lí của Phật Đà, đồng thời việc tu hành chỉ cầu mong sự giải thoát cá nhân. Sau khi Phật giáo Đại thừa xuất

hiện ở Ấn Độ vào thế kỉ 1, chỉ trích Phật giáo Thượng Tọa bộ coi nhẹ việc phổ độ tất cả chúng sinh, vì thế gọi họ bằng cái tên là "Phật giáo Tiểu thừa" với ý khinh thường.

Phật giáo Mật tông (Mật giáo): Từ thế kỉ 8 đến thế kỉ 9, Ấn Độ giáo phát triển mạnh mẽ và trở nên thịnh hành. Dưới ảnh hưởng của trào lưu xã hội đó, Phật giáo bắt đầu tiếp thu Ấn Độ giáo cùng tín ngưỡng dân gian và dần dần trở thành phái Mật tông. Ở Nam Ấn Độ và cao nguyên Deccan cùng với Đông Ấn Độ xuất hiện phái Kim Cương thừa và Di Hành thừa. Thế nhưng, đến đầu thế kỉ 13, Phật giáo ở các khu vực của Ấn Độ từ thịnh chuyển thành suy, Mật tông cũng theo đó mà thu hẹp lại.

Giai đoạn hiện tại: Những năm gần đây, Phật giáo từ lâu đã không còn là tôn giáo chính ở nơi đây, nhưng các tổ chức Phật giáo Ấn Độ vẫn triển khai rộng rãi những hoạt động quốc tế, thường xuyên triệu tập Hội nghị cứu học thuật Phật giáo quốc tế. Tuy số lượng các tín đồ Phật giáo Ấn Độ tham gia rất ít nhưng về lĩnh vực văn hóa tư tưởng lại rất có sức ảnh hưởng.

Jaina giáo (Kỳ Na giáo)

Jaina giáo của Ấn Độ có lịch sử lâu đời, xuất hiện từ thế kỉ 6 TCN đến thế kỉ 5 TCN. Vardhamana - vị thánh đời thứ 24 của đạo Jaina được tôn vinh là người sáng lập thực sự của đạo này. "Jain" hay "Jaina" là từ chữ "Jin" mà ra, nghĩa là "người chiến thắng", cũng là một trong các xưng hiệu của Vardhamana, vì thế đạo này có tên Jaina từ đó. Các đệ tử tôn ông là Mahavira, tức là "anh hùng vĩ đại", gọi tắt là "đại anh hùng".

Jaina giáo gần như cùng xuất hiện với Phật giáo. Jaina giáo chủ trương giải thoát linh hồn, luân hồi nghiệp báo và phi bạo lực, đồng thời cho rằng tất cả mọi sinh vật đều có linh hồn, đều thuộc về thần thánh. Khi chưa được giải thoát, linh hồn của con người chịu ràng buộc vì "nghiệp" và luân hồi vô hạn, chỉ có tu luyện thì mọi người mới làm cho linh hồn thoát khỏi gông cùm của "nghiệp", giành được sự giải thoát cuối cùng. Đạo này chủ trương ngũ giới: không sát sinh; không nói dối; không trộm cắp; không tà dâm; không mê đắm các sở hữu thế tục. Jaina giáo còn cho rằng, chỉ có nghiêm khắc tuân thủ giới luật, trải qua tu luyện khổ hạnh thì mới có thể loại bỏ các ràng buộc của "nghiệp" cũ, đạt tới sự "tĩnh tại", giành được sự "giải thoát".

Ấn Độ giáo

Ấn Độ giáo là một trong những tôn giáo chính của thế giới, cũng là tôn giáo truyền thống của Ấn Độ. Nhìn chung người ta cho rằng, Ấn Độ giáo bắt nguồn từ Vệ Đà giáo và Bà La Môn giáo của Ấn Độ cổ đại. Vào khoảng thế kỉ 8, nhà cải cách Adi Shankara nổi tiếng trong lịch sử Ấn Độ đã tiếp thu một số giáo lí của Phật giáo và Jaina giáo để cải cách Bà La Môn giáo, cuối cùng hình thành nên Ấn Độ giáo.

Các nhánh của Ấn Độ giáo rất phức tạp, tín ngưỡng tương đối thống nhất như sau:

(1) Đấng Brahma (Đấng tạo hóa) là vĩnh hằng, vô hạn và siêu nhiên, là cái căn bản vô cùng rộng lớn, vừa có lại vừa không có, là cái gốc của vạn vật, nhân và quả. Đấng Brahma vừa có thể được coi là vị thần thứ nhất, thông thường lấy thần Vishnu hoặc thần Shiva làm đại diện. Brahma, Vishnu, Shiva cùng là ba vị thần trong một thể thống nhất của Ấn Độ giáo.

(2) "Kinh Veda" có quyền uy tuyệt đối, đẳng cấp Bà La Môn nên được hưởng đặc quyền của xã hội.

(3) Các tín đồ Ấn Độ giáo cần phải ăn chay, không được sát sinh.

(4) Chúng sinh luân hồi chuyển kiếp.

Chương 2: Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa

Nội dung chính:

Thương Chu diễn nghĩa

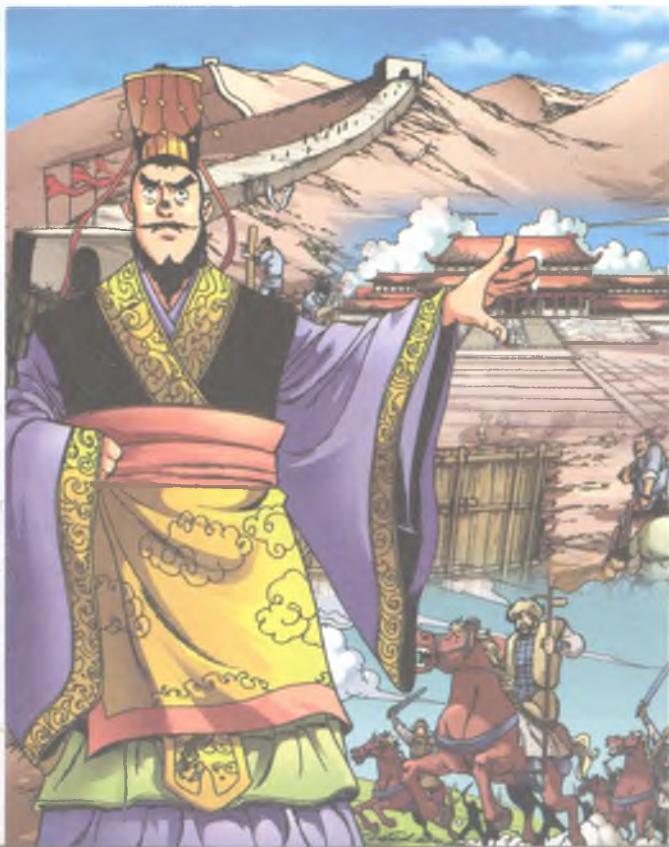
Trong lịch sử Trung Hoa, lưu vực sông Hoàng Hà đóng vai trò vô cùng quan trọng của văn minh Hoa Hạ.

Chiến Quốc tranh bá

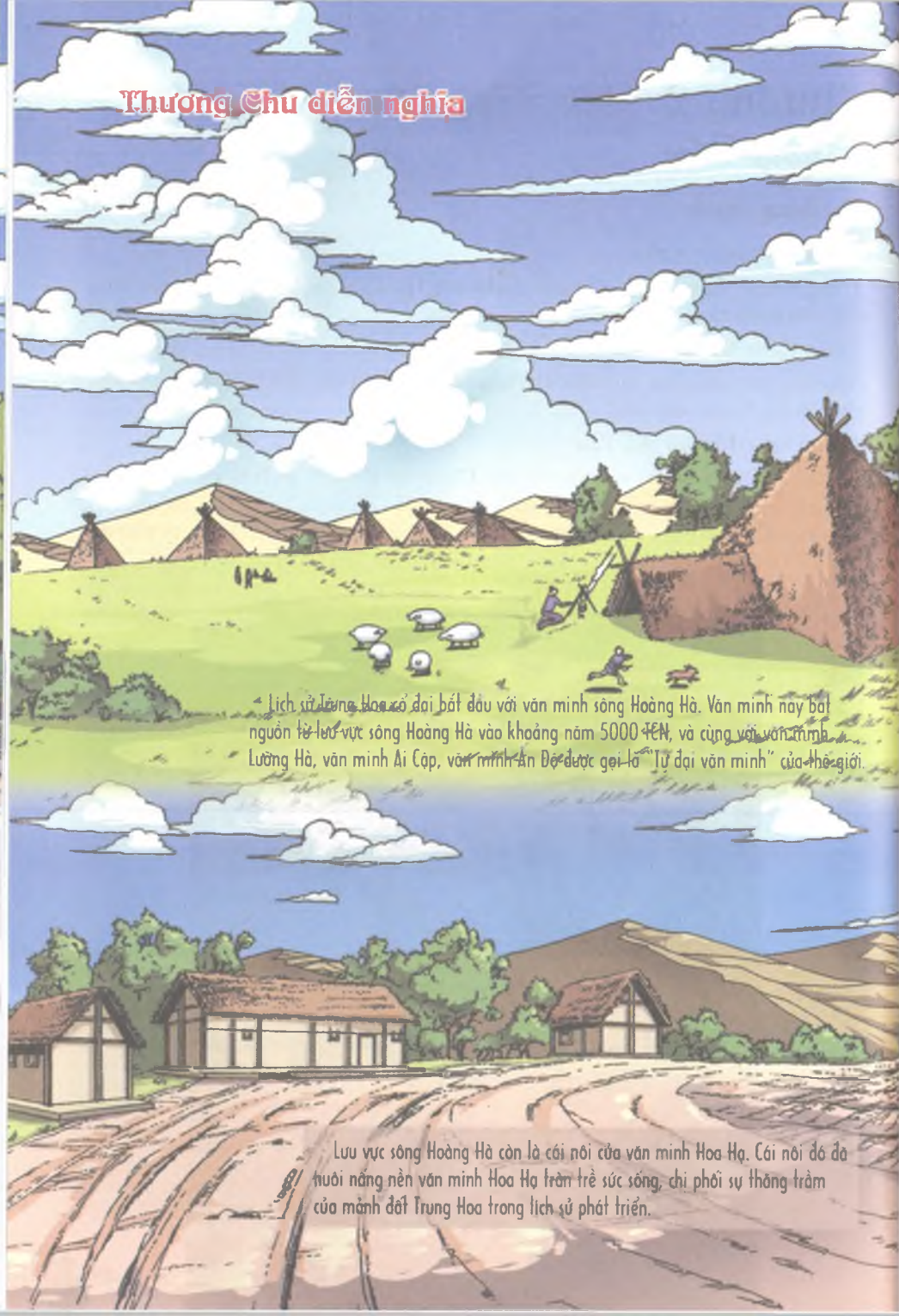
Nửa cuối thời nhà Chu, các nước chư hầu bắt đầu sáp nhập, đến thời kì Chiến Quốc chỉ còn lại 7 nước chư hầu.

Thành lập triều đại nhà Tần

Để thống nhất 6 nước, vua Tần Doanh Chính đã lần lượt phát động nhiều cuộc chiến tranh, và sau này ông trở thành hoàng đế đầu tiên của Trung Hoa thống nhất. Hơn nữa để ngăn chặn các dân tộc thiểu số xâm phạm vùng biên cương, từ thời đại nhà Tần trở đi đã bắt đầu xây dựng Vạn Lý Trường Thành.



Thương Chu điển nghĩa



Lịch sử Trung Hoa cổ đại bắt đầu với văn minh sông Hoàng Hà. Văn minh này bắt nguồn từ lưu vực sông Hoàng Hà vào khoảng năm 5000 TCN, và cùng với văn minh Lương Hà, văn minh Ai Cập, văn minh Ấn Độ được gọi là "Tứ đại văn minh" của thế giới.

Lưu vực sông Hoàng Hà còn là cái nôi của văn minh Hoa Hạ. Cái nôi đó đã nuôi nấng nền văn minh Hoa Hạ trỗi dậy sức sống, chỉ phối sự thăng trầm của mảnh đất Trung Hoa trong lịch sử phát triển.



THỜI ĐÓ, CÁC
MÃI NHÀ ĐƯỢC
LỢP BẰNG CỎ
TRANH.

Khoảng năm 1100 TCN, hoàng cung của vua Thương.



Thầy bói của
triều đình nhà Thương



QUẾ BÓI
THÊ NÀO?



KHÔI BẮM,
KẾT QUẢ KHÔNG
TỐT A, CHO THẦY
SẼ CÓ TAI HỌA
XẤY RA.

TỐT NHẤT LÀ
ĐẠI VƯƠNG NÊN
TỔ CHỨC TỀ LỄ
CẦU CÁC THẦN
LINH A.



Dưới thời nhà Thương, vua xử lý các việc triều chính đều phải dựa vào bói toán.



TRÁ CON
TRAI LẠI
CHO TA!

Thời Trụ Vương
trị vì.



ĐÚNG LÀ HÔN QUÂN,
CHỈ MONG HÂN CHẾT
NGAY TỨC KHẮC...



HÂN MÀ CHẾT CÓ KHI
CÒN BẮT CHÚNG TA
PHẢI XÂY LĂNG TẨM
TỎ NỮA CƠ!

NẾU VẬY CHÚNG
TA CÒN KHỔ HƠN.

CÓ ĐỂ CHO
NGƯỜI TA
SỐNG NỬA
KHÔNG HẢ?



NGHE NÓI Ở
PHÍA TÂY CÓ
MỘT TIỂU
QUỐC
RẤT TỐT
ĐẸP.

PHÍA TÂY
À? TIỂU
QUỐC NÀO
THỀ?



ĐÓ LÀ
NƯỚC CHU.







Không lâu sau, Cơ Xương lâm bệnh và qua đời.
sau này được truy tôn là Chu Văn Vương.



Con trai của Cơ Xương là Cơ Phôi lên ngôi vua, tức Chu Vũ Vương.



Với sự phò tá của Khuông Túc Nha và Chu Công Đán, nước Chu dưới thời Vũ Vương trở thành quốc gia hùng mạnh.



Tại cung điện nước Chu.



ĐẠI VƯƠNG,
ĐÃ TỚI LÚC
CHÍNH PHẬT
TRỤ VƯƠNG
RỒI!



NHƯNG VỚI
LỰC LƯỢNG
HIỆN NAY,
CHÚNG TA KHÓ
MÀ CHỒNG
ĐỒ NƠI NHÀ
THƯƠNG!



* Từ mà vua dùng để tự xưng một cách khiêm tốn.



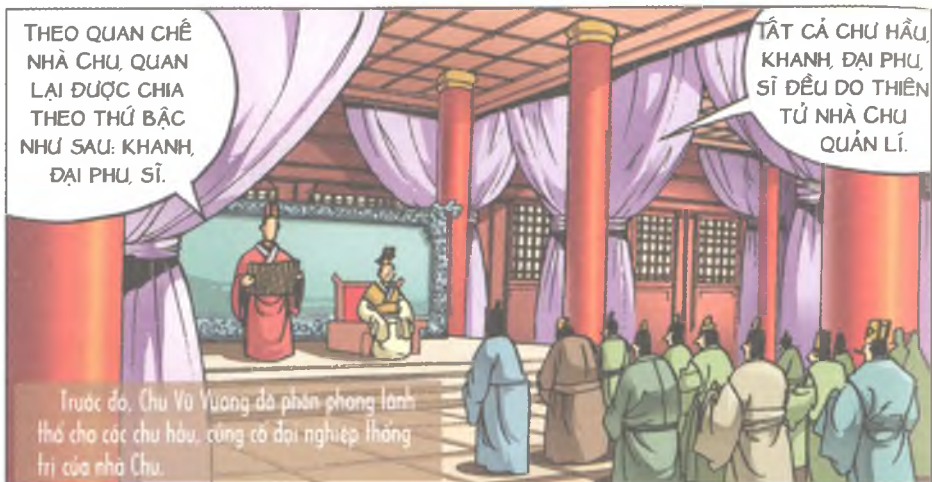




Tru Vương bước lên Lạc Đài tự thiêu,
triều đại nhà Thương bị diệt vong.







CHẾ ĐỘ PHÂN PHONG CỦA NHÀ CHU

Sau khi chinh phạt Trụ Vương thống lợi, Chu Vũ Vương đã đem tất cả lãnh thổ phân phong cho người trung tộc và các công thần, hình thành nên cơ cấu quyền lực kiểu kim tự tháp, phía trên cùng là vua, dưới vua là bốn giai cấp, đó là các chư hầu có quan hệ huyết thống và gia thân của họ là khanh, đại phụ, sĩ. Vua quản lý các chư hầu, còn các chư hầu quản lý khanh, đại phụ, sĩ.

Mỗi một chức vị đều là cha truyền con nối. Phương pháp dựa vào quan hệ huyết thống, đồng thời phân chia giai cấp để thống trị chính là chế độ phân phong của nhà Chu.



Chiến Quốc tranh bá

Đến vị vua đời thứ 12 là Chu U Vương thì nhà Chu bắt đầu suy tàn, bị các dân tộc xung quanh uy hiếp.

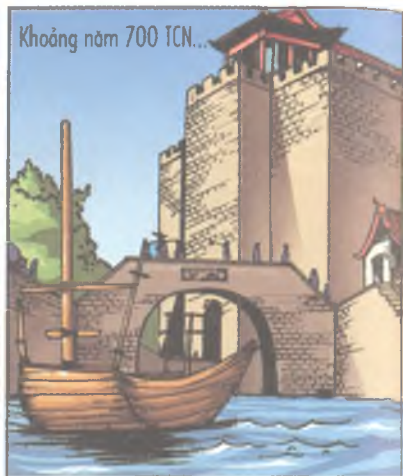
Khoảng năm 770 TCN

Để tránh bị dân tộc Khuynh Nhung quấy nhiễu, Chu Bình Vương đã dời đô từ Cáo Kinh về Lạc Ấp (sau này là Lạc Dương) ở phía Đông. Triều đại nhà Chu từ thời đó trở đi được gọi là Đông Chu.

Việc dời kinh đô về phía Đông càng làm cho tình hình đất nước thêm bất ổn.

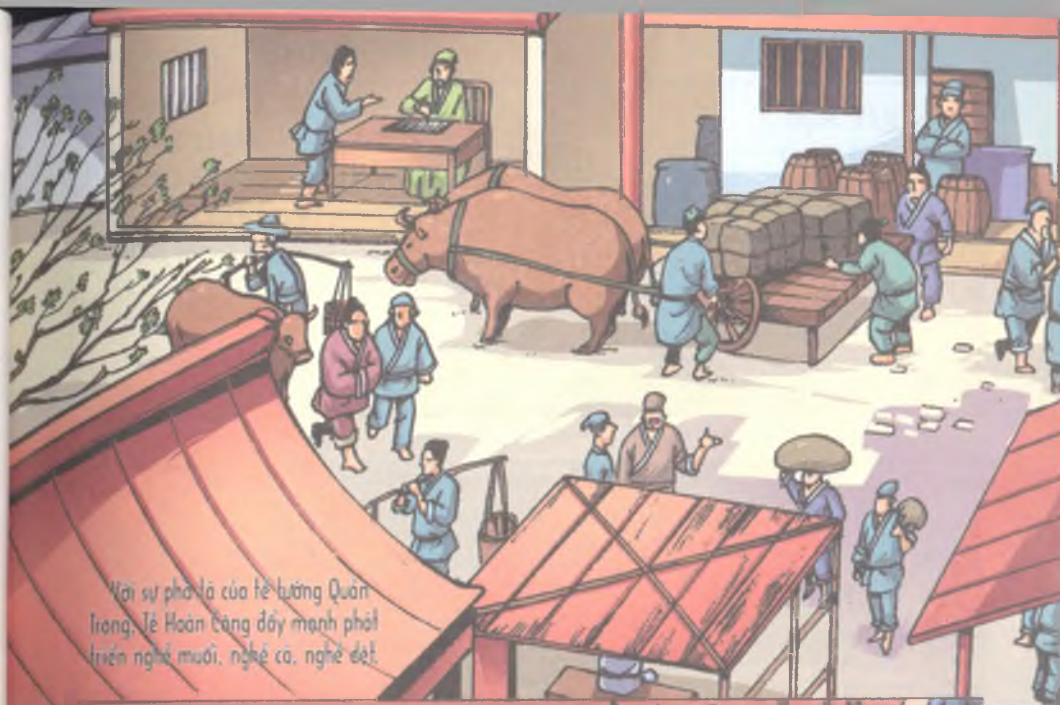


Khoảng năm 700 TCN...



Vua nước Tề thời đó là Tề Hoàn Công.





Hội sự phồn thịnh của hệ lương Quân
Trống, Tề Hoàn Công đẩy mạnh phát
triển nghề muối, nghề cá, nghề dệt.



Đồng thời, Tề Hoàn Công cho chỉnh đốn
quân đội, nước Tề ngày một hùng mạnh.



Bên một ngày...



TÁU ĐẠI VƯƠNG! NƯỚC
SỞ TIỀN DẮNH TRUNG
NGUYỄN RỒI Ạ!

Gì cơ?



NGUY RỒI!
NƯỚC CHU
NGUY RỒI!

MAU TRIỆU
TẬP CÁC
CHU HẦU VÀ
QUÂN ĐỘI!



Năm 656 TCN, Tề Hoàn Công dẫn đầu liên quân các nước chư hầu giao chiến với quân Sở.





Trải qua trận chiến lớn nhiều ngày liền,
liên quân đã đẩy lùi được quân Sở.



TÊ HOÀN
CÔNG LÀ
CHỈ HUY CỦA
CHÚNG TÔI!

TÊ HOÀN
CÔNG VẠN
TUỆ!



Trận quyết chiến lớn đã giúp bà nghiệp
của Tê Hoàn Công phát triển tới đỉnh cao.





Nội gót nước Tề, bốn nước chư hầu hùng mạnh khác lần lượt trở thành bá chủ thời đó. Thời kì này trong sử sách gọi là thời kì Xuân Thu.



Cuối thời kì Xuân Thu tức đầu thế kỉ 5 TCN, tại nước Lỗ (ở phía Nam nước Tề) xuất hiện một nhân vật vĩ đại... đó là Khổng Tử.



Khổng Tử, tên thật là Khổng Khâu, tự hiệu là Trọng Ni. Khổng Tử là một nhà tư tưởng vĩ đại, học thuyết Nho giáo mà ông sáng lập ra có ảnh hưởng sâu rộng với hậu thế.



CÁCH CAI TRỊ ĐẤT NƯỚC TỐT NHẤT,

KHÔNG PHẢI BẰNG VŨ LỰC,

MÀ LÀ BẰNG ĐẠO ĐỨC. ĐÓ CHÍNH LÀ NGUYÊN TẮC QUAN TRỌNG NHẤT TRONG CHÍNH TRỊ!



YÊU THƯƠNG NGƯỜI, TẤT SẼ NHẬN ĐƯỢC YÊU THƯƠNG.

VỊ QUÂN VƯƠNG VÌ DÂN CẦN PHẢI LẮY ĐỨC TRỊ QUỐC, LẮY LỄ TRỊ QUỐC.



TỪ KHI KHỔNG KHÂU LÂM QUAN ĐẠI THẦN,

CHẲNG CÒN ĐƯỢC NHẬN QUẢ BIỂU NỮA.



KHỔNG KHÂU, MAU NỘP MẠNG!



MUỐN CHẾT HẮY DẪM VÔ LỄ VỚI PHỤ TỬ!

* Cách học trò gọi thầy mình thời xưa.



XEM RA, NƠI ĐÂY
CHẴNG AI TIẾP
THU CHỦ TRƯỞNG
CHÍNH TRỊ CỦA
TA RỒI!



HAY LÀ
TỚI NƯỚC
KHÁC THỬ
XEM SAO!



Vô cùng thất vọng về nước Lỗ, Khổng Tử
bèn từ quan, dân dè từ chủ du các nước.

Thế nhưng ở thời đó, những chủ trương mà
Khổng Tử nêu ra không có ai chấp thuận.



14 năm sau, Khổng Tử quay về
nước Lỗ, chuyên tâm theo đuổi việc
dạy học.



Sau khi Khổng Tử qua đời, tư tưởng của ông
được các học trò tập hợp thành cuốn "Luận ngữ".



"Luận ngữ" là tác phẩm nổi tiếng ghi chép những tư tưởng vĩ đại của Khổng Tử, rất nhiều
câu nói nổi tiếng được lưu truyền thiên cổ, chẳng hạn như:

"Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ? Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?
Nhân bất tri nhi bất uấn, bất diệc quân tử hồ?" (Học mà thường xuyên ôn tập thì chẳng
phải rất tốt sao? Có bạn từ phương xa tới đàm đạo thì chẳng phải là chuyện đáng mừng
sao? Người không hiểu ta, ta cũng không oán hận thì chẳng phải là bậc quân tử sao?)

"Học nhi bất tư tác vãng, tư nhi bất học tác dài." (Chỉ học mà không suy nghĩ tất sẽ sai
lầm, chỉ suy nghĩ mà không học tất sẽ bẽ tắc.)



Khoảng cuối thế kỉ 5 TCN, chỉ còn lại 7 nước là: Sở, Tề, Yên, Hàn, Ngụy, Triệu, Tần. Thời kì mà 7 quốc gia này tranh giành xung bá trong sử sách gọi là thời kì Chiến Quốc.

Sau khi Khổng Tử qua đời, thiên hạ ngày càng hỗn loạn. Thiên tử nhà Chu chẳng khác nào bù nhìn, các chư hầu đua nhau xưng vương*, bắt đầu các cuộc chiến tranh giành tàn khốc.

Trong thời kì chiến loạn này lại xuất hiện rất nhiều nhà tư tưởng vĩ đại.

NGƯỜI NHÂN TỬ
KHẮP THIÊN HẠ
KHÔNG CÓ KẾ
THỦ NÀO!

"NHÔ GIA" CỦA
MẠNH TỬ.

NGƯỜI
NGƯỜI
BÌNH
DẲNG.

CON NGƯỜI
NÊN SỐNG
BÁC ÁI, CẦN
MẦN LÂM VIỆC,
THỰC HÀNH
TIẾT KIỆM.

BẢN CHẤT
CON NGƯỜI
LÀ XẤU!

"MẠC GIA"
CỦA MẠC TỬ.

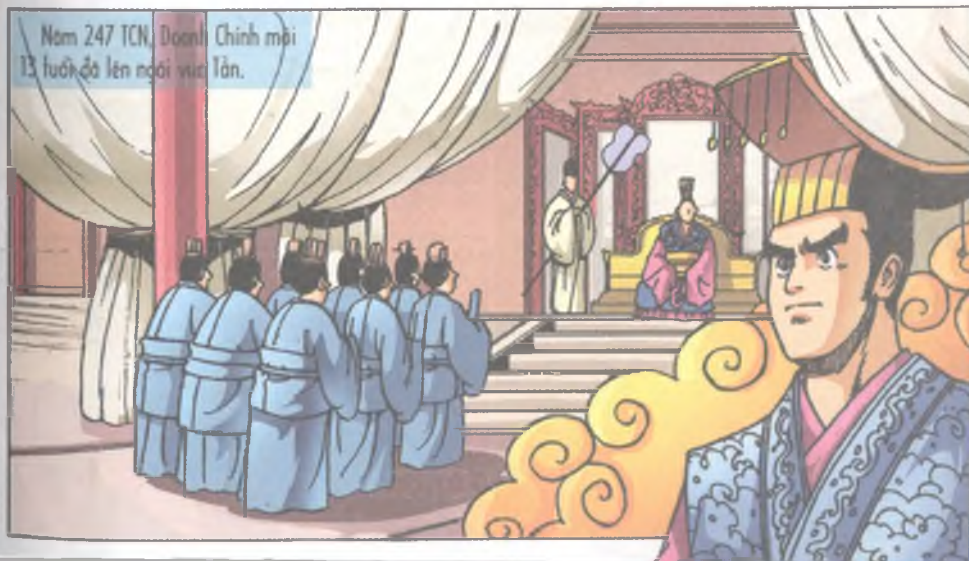
CẦN PHẢI
DỪNG "LỄ" ĐỂ
CHIẾNGỮ NHỮNG
HAM MUỐN CỦA
CON NGƯỜI!

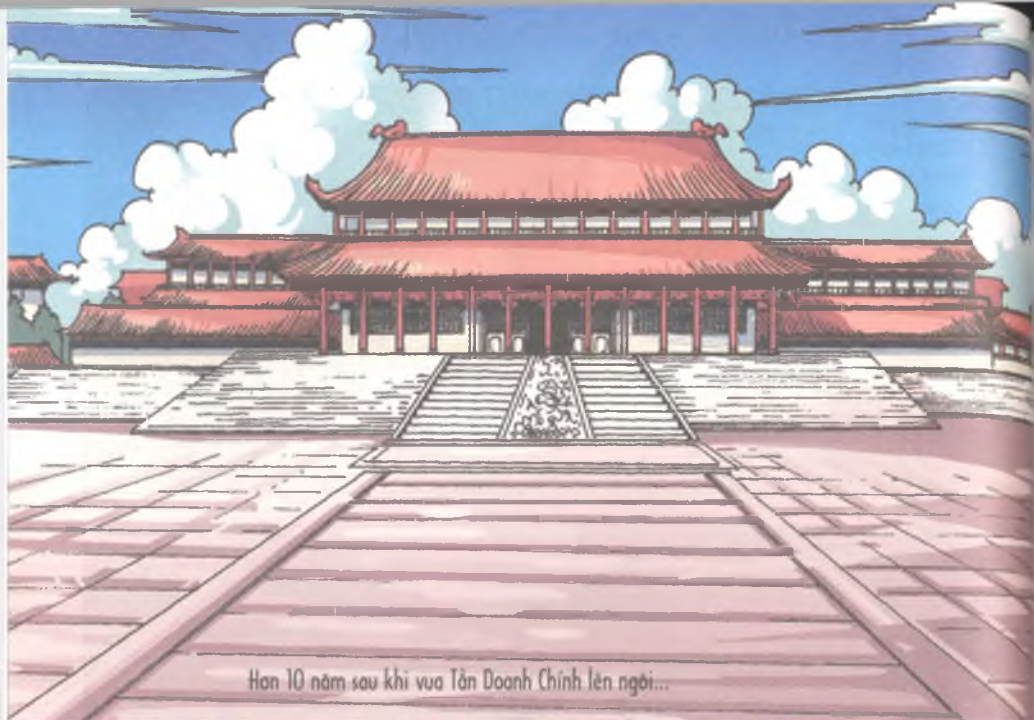
"NHÔ GIA"
CỦA TUÂN TỬ.

* Có nghĩa là ngang hàng với vua nhà Chu.











Năm 230 TCN, nước Tần thôn
tính nước Hàn. 5 năm sau nước
Tân lại chinh phạt nước Triệu.



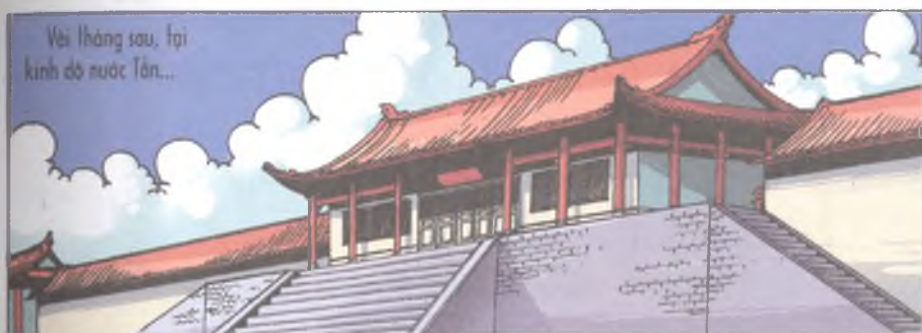
Năm kế tiếp sau khi Tần tiêu diệt
nước Triệu, tại kinh đô nước Yên...



QUÂN TÂN
MẠNH NHƯ
VŨ BÃO!

NẾU CỨ TIẾP TỤC
THẾ NÀY THÌ VIỆC
CHIÊM ĐÁNH NƯỚC TÂN
CHỈ LÀ CHUYỆN SỚM
MUỘN THỜI!





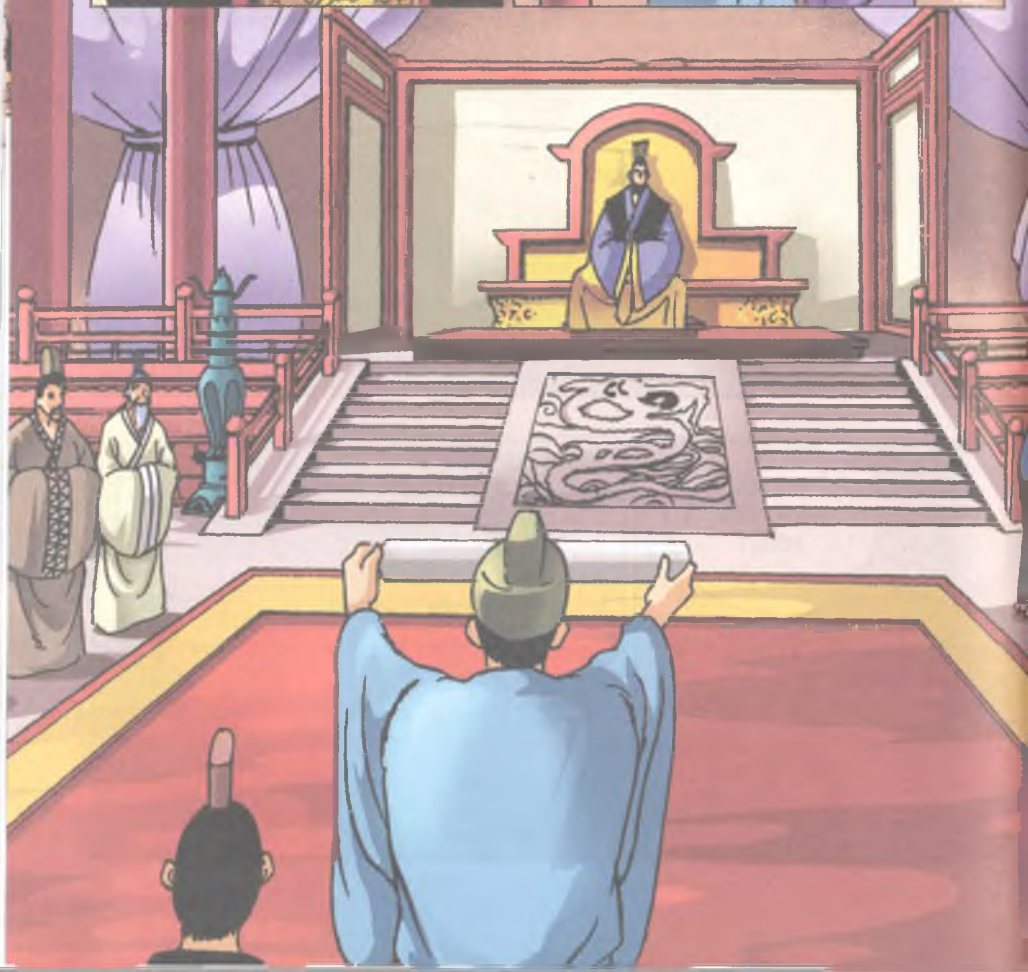
QUẢ NHÂN
MUỐN TIẾP
KIẾN SỰ GIÀ
NGAY LẬP
TỨC.



KINH KẾ
CHUNG SỰ
NƯỚC TÊN



TÂN VÔ
DƯƠNG
PHÓ SỞ
NƯỚC TÊN









Van Vương Đoàn: Thật may
mặc kệ ta. Kệ họ đi mau
đi! Thật là đáng sợ quá!



ĐÚNG LÀ
TRỜI KHÔNG
MUỐN DIỆT
TA!



THUẬN
THEO TA
THÌ SỐNG,
NGỊCH
VỚI TA THÌ
CHẾT!

Sau đó, nước Tần diệt Ngụy vào
năm 225 TCN, 2 năm sau lại diệt Sở



Năm 222 TCN, Tần tiếp tục
tiêu diệt nước Yên.



Năm 221 TCN...



CƯỜNG QUỐC
CUỐI CÙNG -
NƯỚC TÊ CŨNG
ĐÃ BỊ QUÂN TA
TIÊU DIỆT!

CHÚC
MỪNG ĐẠI
VƯƠNG!





* Từ đó về sau, các thiên tử được tôn là "hoàng đế", các hoàng đế bắt đầu xưng là "trẫm", còn quần thần chuyển từ xưng hô là "dại vương" sang "bệ hạ".



CÁC ÁI
KHANH NGHE
LỆNH!

TỪ NAY VỀ
SAU, TRẨM
CHÍNH LÀ
HOÀNG ĐỀ!

ĐÔI ĐÔI KIẾP KIẾP
TRUYỀN NGÔI CHO
CON CHÁU, MÃI MÃI
KHÔNG THAY ĐỔI!

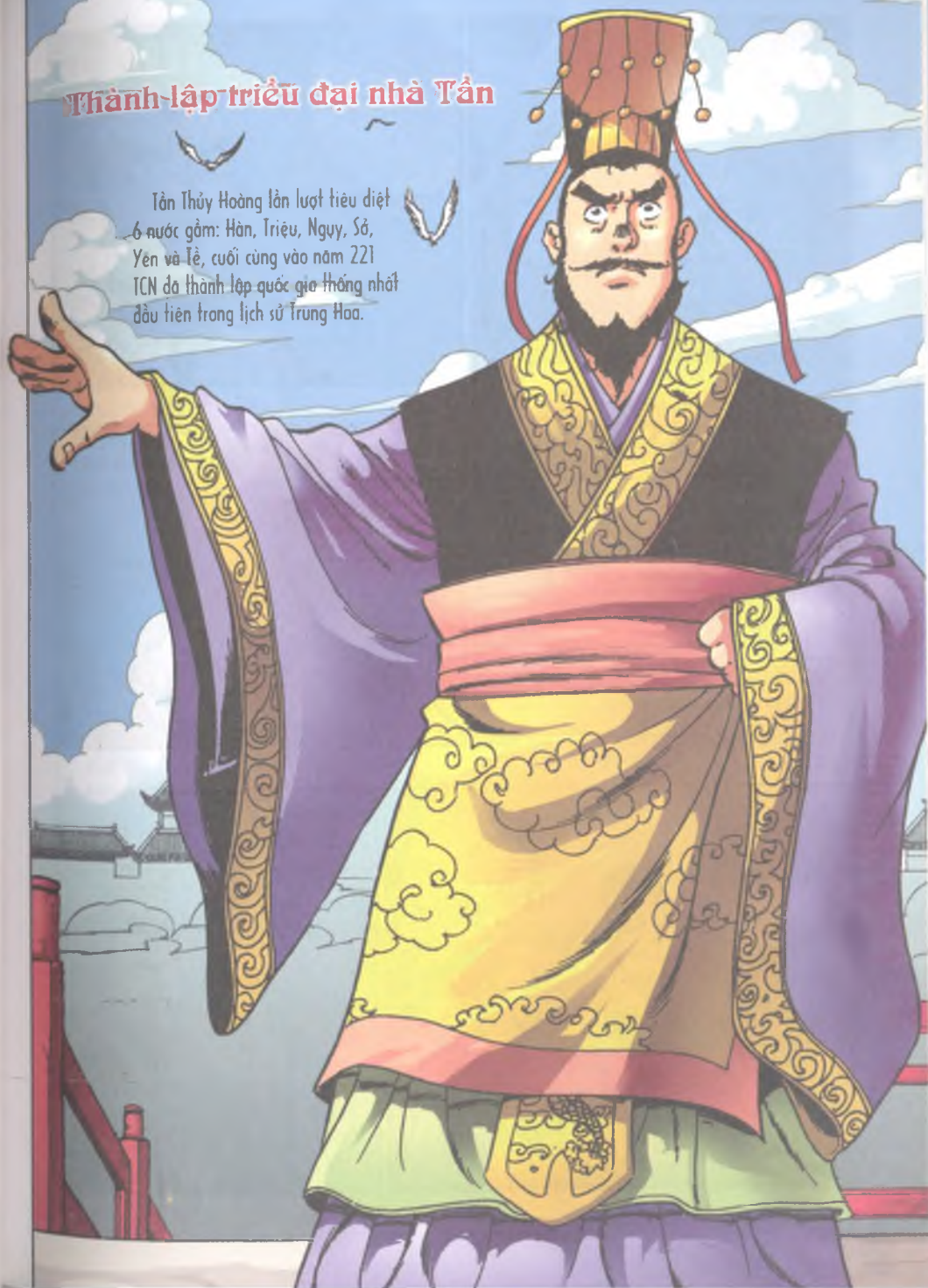


TRẨM CHÍNH LÀ
THIÊN TỬ CỦA
ĐẠI TÂN - TÂN
THỦY HOÀNG!



Thành lập triều đại nhà Tần

Tân Thủy Hoàng lần lượt tiêu diệt 6 nước gồm: Hàn, Triệu, Ngụy, Sở, Yên và Tề, cuối cùng vào năm 221 TCN đã thành lập quốc gia thống nhất đầu tiên trong lịch sử Trung Hoa.





NHƯ VẬY CHẴNG
KHÁC GÌ CÁCH
CAI TRỊ CỦA
CÁC TRIỀU ĐẠI
TRƯỚC ĐÂY.

LÝ TƯ

THẦN CHO
RẰNG NÊN
LÀM THỂ
NÀY...

CHIA ĐẤT NƯỚC
THÀNH CÁC QUÂN,
DƯỚI QUÂN LÀ
HUYỆN.

ỪM,
KHANH
NÓI RẤT
ĐÚNG.

TRIỀU
ĐẠI NHÀ TẦN
NÊN KHÁC VỚI
NHÀ THƯƠNG,
NHÀ CHU MỚI
PHẢI!

BỆ HẠ SẼ
DỊCH THÂN
CẮT CỬ
QUAN SỬ TÔI
CAI TRỊ.

Ý HAY
ĐÂY!

LẬP TỨC
THI HÀNH CHẾ
ĐỘ QUÂN HUYỆN
TRÊN TOÀN
QUỐC!

ĐƯỢC!
CỨ QUYẾT
ĐỊNH NHƯ
VẬY ĐI!

Sau đây, lãnh thổ nước Tần được
chia thành 36 quận, mỗi quận do
một vài huyện hợp thành.

Ngoài ra, Tần Thủy Hoàng còn thống nhất được
chữ viết, đơn vị đo lường và tiền tệ trên toàn quốc.





▲ Các loại hàng hóa thời kì Xuân Thu Chiến Quốc.



▲ Nửa lang tiền thời nhà Tần.



Thư viện



BAN ĐẦU CHỮ VIẾT CỦA MỖI ĐỊA PHƯƠNG MỖI KHÁC, BÂY GIỜ ĐÃ THÔNG NHẤT RỒI, ĐÚNG LÀ TIỆN LỢI THẬT!

ĐÚNG VẬY!



Tần Thủy Hoàng ra lệnh điều chỉnh các loại chữ viết truyền lại từ nhiều thế hệ, tiếp tục giản hóa thành chữ Tiểu Triện và Khải Thư.

◀ Quan ấn của triều Tần, chữ viết trên mặt là chữ Tiểu Triện.



HOÀNG THƯỢNG CÓ LỆNH, SAU NÀY ĐỀU PHẢI DÙNG THỨ NÀY ĐỂ ĐO NẶNG NHÉ.



▲ Cân đo trọng lượng bằng quả cân đồng.



NƯỚC TÂN
THỐNG NHẤT
NGÀY CĂNG
PHỐN VINH.

NÊN XÂY
MỘT TÒA CUNG
DIỆN LỚN ĐỂ
XỨNG TẦM VỚI
THẾ CỦA TRIỀU
TÂN.

CÒN
NHIỀU
VIỆC
PHẢI
LÀM
LẮM!

LĂNG MỘ
Cũng phải
được xây
TO ĐẸP
HƠN.

KHU LĂNG
MỘ NÀY PHẢI
TƯƠNG XỨNG
VỚI SỰ NGHIỆP
VĨ ĐẠI CỦA
TRẦN, MÃI MÃI
LƯU TRUYỀN
CHO MUÔN
ĐỜI SAU!

Tân Thủy Hoàng cho xây dựng một cung điện lớn
ở phía Nam Hàm Đường - Cung A Phòng.





Lăng mộ của Tần Thủy Hoàng
được xây dựng dưới chân núi Ly
Sơn. Tương truyền hơn 700.000
người được huy động lái để xây
dựng cung điện và lăng mộ.



KHÔNG
CHỊU NỔI
NỮA RỒI!



HOÀNG ĐẾ CÒN
MUỐN CHÚNG
TA SỐNG NỮA
KHÔNG?

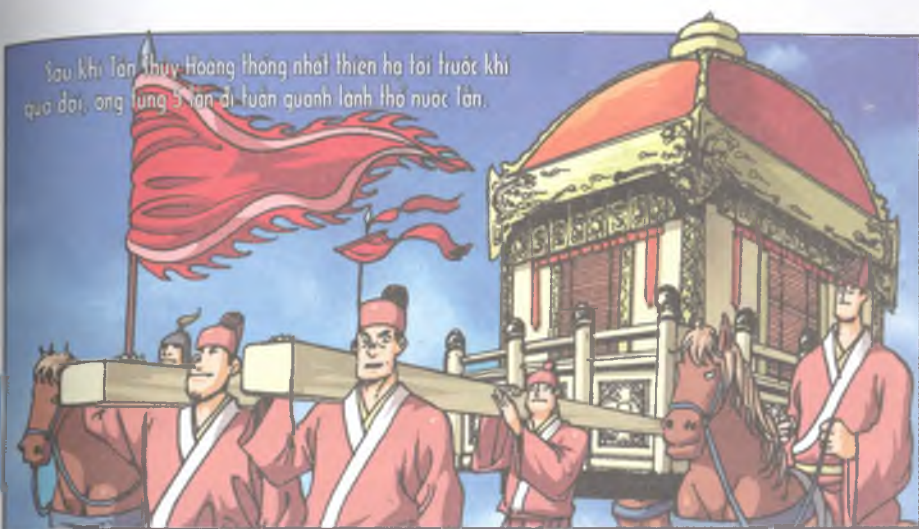


SUYT! CẦN
THẬN KÈO DẪN
TAI HOÀNG ĐẾ,
CHÚNG TA SẼ
MẤT MẠNG
ĐÂY!

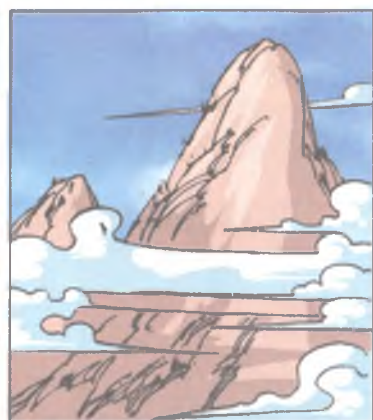


HOÀNG ĐẾ
LẠI ĐI TUẦN
KÌA!

Sau khi Tôn Thủy Hoàng thông nhất thiên hạ tại trước khi
qua đời, ông tung 5 lần đi tuần quanh lãnh thổ nước Tần.



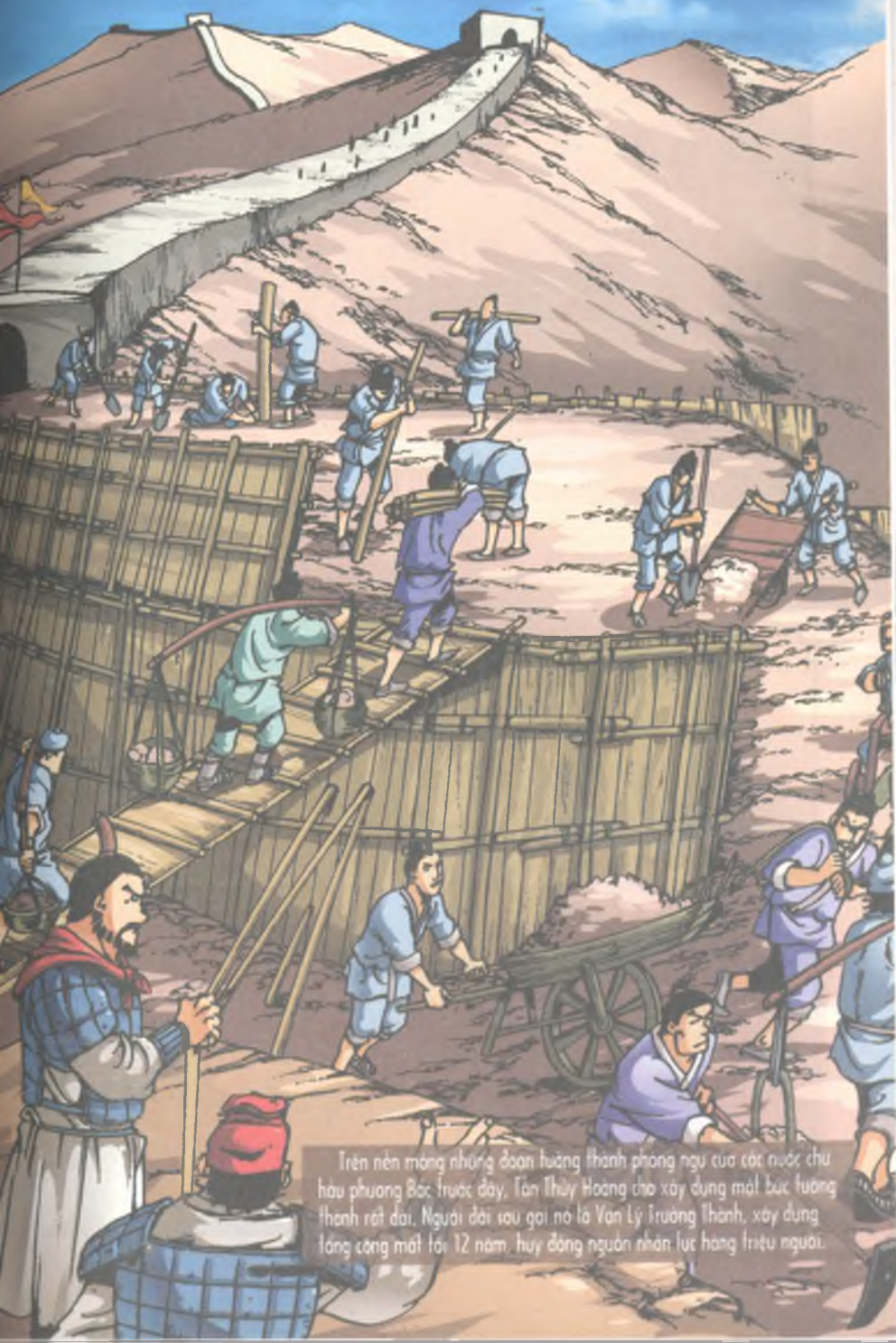
Mục đích của việc đi tuần không chỉ là khảo sát tình hình
thực thi chính sách và phong tục tập quán, mà còn mượn dịp
để phô trương thành thế.



Suốt dọc đường, Tần Thủy Hoàng đều cho khắc ghi công lao vì
đời của mình lên các phiến đá lớn trên những ngọn núi nổi tiếng.







Trên nền móng những đoạn tường thành phòng ngự của các nước chư hầu phương Bắc trước đây, Tần Thủy Hoàng cho xây dựng một bức tường thành rất dài. Người đời sau gọi nó là Vạn Lý Trường Thành, xây dựng tổng cộng mất tới 12 năm, huy động nguồn nhân lực hàng triệu người.





Năm 213 TCN, Tần Thủy Hoàng ra lệnh thiêu hủy sách. Ngoài số sách lưu trữ ở thư viện, sách y dược, sách bói toán, sách nông nghiệp ra, tất cả các loại sách khác đều bị đốt sách.



NĂM 212 TCN



Tần Thủy Hoàng lại ra lệnh chôn sống hơn 460 nhà Nho với tội danh làm lung lạc lòng dân.



Hai sự kiện trên trong lịch sử gọi chung là "Đốt sách chôn Nho".





Sự Hoàng trị hà khắc của Tần Thủy Hoàng khiến nhiều người oán càm phàn. Thậm chí con trai trưởng của ông là Thái tử Phù Tô cũng bất bình.



PHÙ TÔ,
CON ĐÂY
À?



PHỤ
HOÀNG,
NGƯỜI
KHÔNG
THỂ TIẾP
TỤC THI HÀNH
NHỮNG HÌNH
PHẠT THẨM
KHỐC VÔ NHÂN
ĐẠO ẤY...



LÒNG DÂN
TRĂM HỘ
NGÀY CÀNG
RỜI XA PHỤ
HOÀNG RỒI!



THÁI TỬ
DIỄN HẠ NÊN
CHÚ Ý LỜI
ĂN TIẾNG
NÓI CỦA
MÌNH!

NGƯỜI LÀ
ĐẠI CÔNG
TỬ CỦA
NƯỚC
TẦN...



LÝ
TỬ!
CẦM
MIỆNG!

NGƯỜI XUI GIỤC PHỤ
HOÀNG ĐỐT SÁCH
CHÔN NHỎ CHẴNG QUA
LÀ CHỈ MUỐN CỨNG CỐ
QUYỀN THẾ ĐỊA VỊ
CỦA MÌNH!





PHỤ HOÀNG,
NGƯỜI NÊN
TÍNH TẢO VÀ
SUY NGHĨ
CHO TRĂM
HỘ MỘT
CHÚT!



IM
MIỆNG!



LUI RA, TỬ
HỒM NAY TRỞ
ĐI, CON KHÔNG
ĐƯỢC PHÉP
BƯỚC VÀO
CUNG ĐIỆN
NỮA BƯỚC!



PHỤ
HOÀNG...



Ít lâu sau, Tôn Thủy Hoàng giam lỏng
Phủ To ở vùng biên giới.





CHỈ CẦN
TUÂN THEO
PHÁP LUẬT
LÀ CÓ THỂ
SỐNG TỐT.

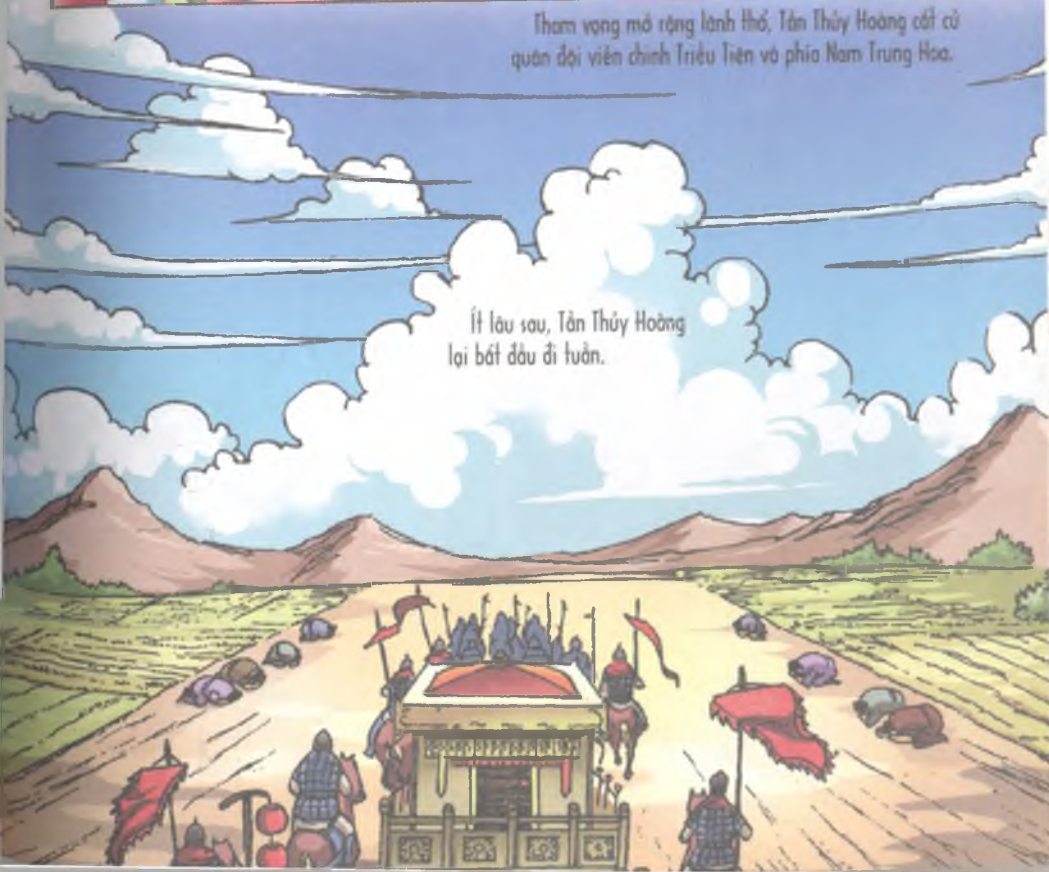
TRẦN
HỌ KHÔNG
CẦN ĐẾN
CHÍNH
SÁCH
NHÂN
TỬ.



Dưới chế độ thống trị hà khắc như
vậy, triều đại nhà Tần vốn đúng vậy.

Tham vọng mở rộng lãnh thổ, Tần Thủy Hoàng cất cử
quân đội viễn chinh Triều Tiên và phía Nam Trung Hoa.

Ít lâu sau, Tần Thủy Hoàng
lại bắt đầu đi tuần.





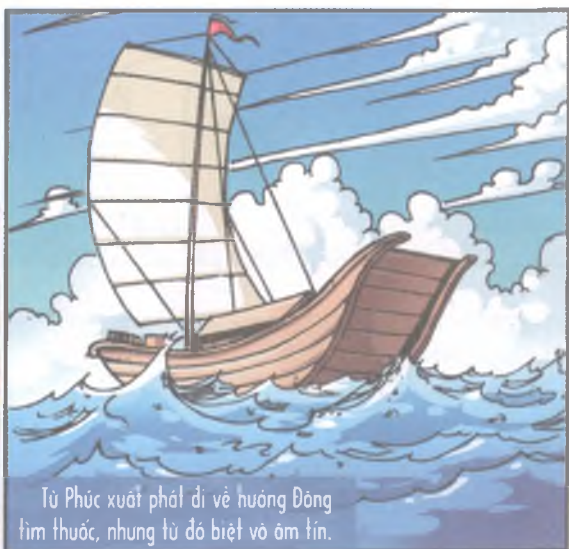




TỪ PHÚC VÀ TRUYỀN THUYẾT VỀ ĐẢO TIỀN BÔNG LẠI

Từ Phúc cho rằng chỉ cần đi về đảo tiền Bông Lai là có thể tìm được thuốc trường sinh bất lão. Đảo tiền Bông Lai nằm ở Đông Hải xa xôi. Khắp nơi trên đảo đều là cung điện được xây bằng vàng bạc, tương truyền những sinh vật cư trú tại nơi này, bất kể là chim hay thú đều có màu trắng. Từ Phúc cùng con thuyền chèo đày lễ vật để dâng cho vị tiên đi về phía Đông Hải, thế nhưng từ đó một đi không trở về. Nghe nói cuối cùng con thuyền của Từ Phúc đã cập bến ở Kumano, Nhật Bản (thuộc quận Higashimuro, thành phố Shingu ngày nay). Cho đến nay, nơi đó vẫn có một ngôi đền thờ Từ Phúc.





Năm 210 TCN, Tần Thủy Hoàng bắt đầu cuộc đi tuần lần thứ 5.

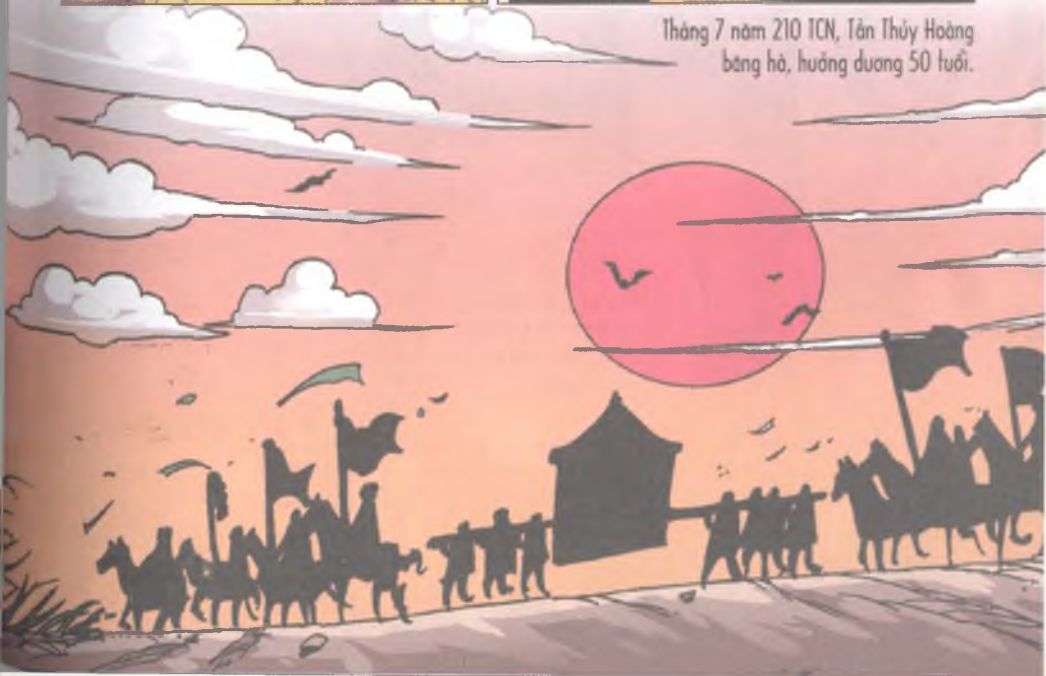


Tuy người mang bệnh nặng nhưng Tần Thủy Hoàng vẫn tiếp tục đi tuần ở các nơi.





Tháng 7 năm 210 TCN, Tần Thủy Hoàng băng hà, hưởng dương 50 tuổi.



Tần Thủy Hoàng được an táng trong lăng mộ dưới núi Ly Sơn ở phía Đông Hàm Dương. Khoảng 2.200 năm sau, vào năm 1974, người ta đã khai quật được hơn 700 tượng binh mã có kích cỡ gần như người thật. Những binh mã này chính là tư liệu quý giá giúp tìm hiểu về triều đại nhà Tần, trở thành một trong những phát hiện khảo cổ quan trọng nhất thế kỉ 20.

GIỜ ĐÂY,
NƠI NÀY ĐÃ TRỞ
THÀNH VIỆN BẢO
TÀNG BINH MÃ DŨNG
CỦA TẦN THỦY
HOÀNG.



Nền văn minh Trung Hoa hình thành sớm nhất ở lưu vực sông Hoàng Hà. Vào thế kỉ 21 TCN, ở Trung Hoa xuất hiện vương triều đầu tiên - đó là nhà Hạ, nhưng vương triều có chứng cứ khảo cổ chính xác lại bắt đầu ở nhà Thương. Tổ tiên của nhà Thương có thể đến từ vùng Liêu Đông. Đến thế kỉ 16 TCN, nhà Thương tiến vào khu vực Trung Nguyên. Thời kì đầu, triều Thương không ngừng di dời kinh đô. Sau khi Bàn Canh lên ngôi vua thì triều Thương đóng đô tại đất Ân (thuộc An Dương, Hà Nam, Trung Quốc ngày nay). Từ đó về sau, kinh đô của nhà Thương không còn chuyển dời nữa, vì thế triều Thương còn được gọi là triều Ân. Nền văn minh của đời nhà Thương đã vô cùng phát triển, đã có lịch pháp, đồ đồng và chữ giáp cốt.

Nhà Chu là một bộ tộc ở phía Tây của nhà Thương, có nguồn gốc ở vùng Thiểm Tây, Cam Túc. Vì vị vua cuối cùng của nhà Thương là Trụ Vương hoang dâm vô độ nên nhà Chu bèn liên

kết với các chư hầu để lật đổ.

Vào giữa thế kỉ 11 TCN, nhà Chu lật đổ nhà Thương. Nhà Chu dùng cách phân phong đất đai cho các chư hầu để thống trị lãnh thổ rộng lớn. Thế lực của triều đại nhà Chu thâm nhập tới hạ nguồn sông Hoàng Hà và vùng Giang Hoài, vượt qua cả sông Trường Giang.

Đến năm 770 TCN, Chu Bình Vương dời đô thành về Lạc Ấp, đổi tên là Đông Chu (triều đại nhà Chu trước đó gọi là Tây Chu). Khi đó, các nước chư hầu trở nên lớn mạnh, còn triều đình nhà Chu bắt đầu suy tàn. Hơn 100 nước chư hầu lớn nhỏ sáp nhập vào nhau hoặc tranh đoạt bá quyền. Về sau, chỉ còn lại 7 nước chư hầu tương đối lớn (Tề, Sở, Yên, Hàn, Triệu, Ngụy, Tấn), được gọi là thời kì Chiến Quốc.

Cuối cùng, nước Tần ở phía Tây trở nên hùng mạnh. Vào năm 221 TCN, Tần Vương là Doanh Chính đã thống nhất Trung Hoa, xây dựng đế quốc thống nhất đầu tiên trong lịch sử Trung Hoa.

Văn hóa Ngưỡng Thiều

Thời kì chế độ mẫu hệ, Trung Hoa có hai nền văn hóa khá nổi tiếng: Một là văn hóa Ngưỡng Thiều của nền văn minh viễn cổ lưu vực sông Hoàng Hà, hai là văn hóa Hà Mẫu Độ của nền văn minh lưu vực sông Trường Giang.

Văn hóa Ngưỡng Thiều xuất hiện khoảng năm 5000 TCN tới năm 3000 TCN. Được đặt tên này do năm 1921, người ta khai quật được di chỉ đầu tiên tại làng Ngưỡng Thiều, huyện Thăng Chì, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.

Thời kì này đã có chế độ công xã thị tộc tương đối nghiêm ngặt, cuộc sống ổn định, sản phẩm chủ yếu là cây lương thực, bắt đầu dùng cung tên để săn bắn, còn nghề thủ công là làm đồ gốm, dệt vải, may mặc... Đồ gốm ở thời kì này phần lớn màu đỏ, mỹ quan thực dụng, hoa tiết đặc trưng là hình vẽ hình học hoặc hình động vật, vì thế văn hóa Ngưỡng Thiều còn được gọi là văn hóa gốm màu.

Thời kì đầu của văn hóa Ngưỡng Thiều thịnh hành lối hợp táng tập thể hoặc hợp táng cùng giới, thường mấy trăm người được chôn chung trong một ngôi mộ, các vật tùy táng của nữ giới nhiều hơn nam giới.

Văn hóa Hà Mẫu Độ

Văn hóa Hà Mẫu Độ là chỉ nền văn hóa thời kì đồ đá mới được phân bố ở khu vực đồng bằng bờ phía Nam của vịnh Hàng Châu, Triết Giang cho tới quần đảo Chu Sơn. Niên đại của nó tương tự với văn hóa Ngưỡng Thiều. Do được phát hiện tại làng Hà Mẫu Độ, huyện Dư Diêu, tỉnh Triết Giang nên được đặt tên là văn hóa Hà Mẫu Độ. Trong di chỉ văn hóa Hà Mẫu Độ, người ta phát hiện ra hàng ngàn mẫu vật đồ đá, đồ xương, đồ gốm và đồ gỗ, ngoài ra còn phát hiện rất nhiều hạt lúa, lá lúa và thân cây lúa chắt thành đồng. Những hạt lúa này là bằng chứng về giống lúa sớm nhất của Trung Hoa.

Thông qua việc lần lượt khai quật và nghiên cứu về di chỉ, người ta phát hiện ra rằng, nghề thủ công thời đó rất phát triển, tay nghề làm đồ gỗ rất thành thục, công trình kiến trúc có kết cấu bằng gỗ thường lấy mộng và lỗ mộng ghép với nhau. Người ở thời đó còn học cách sơn, dùng công cụ để hỗ trợ làm đồ gốm.

Đồ đồng

Đồ đồng là những đồ vật được chế tạo từ hợp kim gồm đồng đỏ (đồng nguyên chất) và thiếc hoặc chì, độ cứng cao, đúc thành khuôn tốt, chịu ăn mòn, thích hợp chế tạo công cụ, vũ khí, đồ dùng hằng ngày và tác phẩm nghệ thuật chạm trổ. Đây cũng là đồ kim loại mà con người sử dụng rộng rãi nhất.

Vào khoảng thế kỉ 21 TCN, Trung Hoa đã bước vào thời đại đồ đồng. Dưới thời nhà Thương và nhà Chu, đồng đã được sử dụng phổ biến trong chế tạo công cụ sản xuất, vũ khí, các kết cấu bằng đồng trên xe ngựa, đồ trang trí, đồ trang sức và quà tặng...

Về sau, cùng với sự phát triển của kĩ thuật luyện sắt, đồ đồng mới dần dần mất vị thế đi.

Chế độ tinh điền

Chế độ tinh điền xuất hiện vào thời nhà Thương, nhà Chu. Dưới chế độ này, người canh tác thực tế không có quyền sở hữu ruộng đất mà chỉ có quyền sử dụng.

Tinh điền do 9 vuông đất tạo thành, nhìn chung mỗi vuông đất là 100 mẫu (1 mẫu = 667 m²), 1 đơn vị canh tác gọi là 1 điển. 1 điển ở giữa gọi là "công điền", các hộ nông dân xung quanh phải gieo trồng không công và toàn bộ phần được thu hoạch phải nộp cho tầng lớp thống trị. 8 điển còn lại gọi là "tư điền", phân phối cho mỗi hộ gia đình 1 suất để canh tác gieo trồng, phần được thu hoạch thuộc về hộ nông dân.

Tể Hoàn Công

Tể Hoàn Công họ là Khương, tên là Tiểu Bạch, năm 685 TCN lên ngôi vua Tề. Trong thời gian tại vị, ông trọng dụng Bào Thúc Nha, phong Quân Trọng làm tể tướng. Với sự trợ giúp của Quân Trọng, ông đã tiến hành cải cách các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, khiến nước Tề nhanh chóng trở nên giàu mạnh, đặt nền tảng cho đại nghiệp xưng bá.

Tể Hoàn Công tôn trọng triều đình nhà Chu, đồng thời liên kết rộng rãi với các nước chư hầu lớn nhỏ, cuối cùng ông trở thành bá chủ đầu tiên trong thời kì Xuân Thu. Thế nhưng sau khi Bào Thúc Nha, Quân Trọng qua đời, Tể Hoàn Công đã già yếu lại trọng dụng những kẻ tiểu nhân như Dịch Nha, Thụ Điều. Năm 643 TCN, những kẻ tiểu nhân đó làm phản, đem nhốt ông trong cung và để ông chết đói. Từ đó nước Tề bắt đầu suy tàn.

Trăm nước chư hầu

Dưới thời kì Xuân Thu Chiến Quốc, vương quyền suy yếu, các chư hầu tranh bá, mở cửa chiêu dụ nhân tài, đồng thời do dân số tăng nên việc phân chia đất đai gặp nhiều khó khăn, xã hội nảy sinh nhiều biến động lớn.

Ở thời kì này, những người có tri thức đã đề ra những biện pháp và tư tưởng dẫn lối để giải quyết các vấn đề xã hội. Ngoài ra, việc thúc đẩy giáo dục và sự tự do về tư tưởng cũng khiến các chư hầu đua nhau tranh tiếng.

Thời hậu Xuân Thu xuất hiện các trường phái học thuyết khác nhau như: Nho gia, Đạo gia, Âm Dương gia, Pháp gia, Mặc gia... Tới giữa thời kì Chiến Quốc, các trường phái học thuyết lại càng nở rộ, đặt nền tảng rộng lớn cho sự phát triển của văn hóa Trung Hoa. Thời kì này được gọi là thời kì "Trăm nước chư hầu" hoặc "Trăm nhà đua tiếng".

Chữ giáp cốt và việc bói toán

Chữ giáp cốt là chữ viết thời kì cuối nhà Thương, do được khắc lên mai rùa, xương thú nên được đặt tên là chữ giáp cốt. Những chữ viết dùng dao khắc này nét chữ to nhỏ không đều, thậm chí chữ thì mờ nhạt như sợi tóc, chỗ nổi các nét có phần rời rạc, thô kệch, song nội dung mà chữ biểu đạt ngoài ghi chép lại ít ỏi sự việc ra, phần lớn đều ghi chép về việc bói toán của triều đình Ân Thương thời đó.

Người nhà Thương rất mê tín, tin vào quỷ thần, xử lí mọi việc lớn nhỏ đều phải dựa vào bói toán, do đó nội dung bói toán vô cùng phong phú, khi thì hỏi về thời tiết, thu hoạch nông nghiệp, cũng có khi hỏi về bệnh tật, cầu tự, săn bắn, chiến đấu, cúng tế... Vì thế những chữ giáp cốt đó hầu như đã hé lộ phần lớn trạng thái sinh hoạt của người thời nhà Thương.

Cách bói toán là: Người ta lấy mai rùa hoặc xương thú đã qua xử lí để đục lỗ, tiếp đó dùng lửa sấy khô, mặt trên của mai rùa sẽ xuất hiện những vết rạn ở xung quanh những lỗ đục. Những vết rạn đó được gọi là "triệu". Thấy bói sẽ quan sát các vết rạn, sau khi phán đoán hung cát xong thì viết ra nội dung cần hỏi bói, khắc lên mai rùa.



Khổng Tử

Khổng Tử (năm 551 TCN – năm 479 TCN) tên thật là Khổng Khâu, tự là Trọng Ni, người Trâu Ấp, nước Lỗ vào cuối thời Xuân Thu. Ông là nhà triết học, nhà giáo dục vĩ đại của Trung Hoa, người tự hội tụ tư tưởng văn hóa Trung Hoa, đồng thời sáng lập ra học thuyết Nho gia.

Khổng Tử xuất thân trong một gia đình quý tộc đã mai một của nước Tống*. Ông là người khắc khổ hiếu học, từng làm một số công việc thấp kém, đến tuổi trung niên ông mở trường tư dạy học. Ông từng đảm nhiệm các chức vụ như đô tể, tư không, tư khôi... thế nhưng về sau do bị tiểu nhân hãm hại, ông đành từ quan, dẫn học trò đi chu du các nước tổng cộng 13 năm. Về già ông quay về nước Lỗ tiếp tục dạy học và chỉnh đốn thư tịch cổ.

Những lời nói của Khổng Tử và đệ tử của ông được tổng hợp thành cuốn "Luận ngữ", là cuốn sách kinh điển của Nho gia, có giá trị văn học rất cao.

Trong quá trình phát triển của lịch sử Trung Hoa, học thuyết Nho gia do Khổng Tử và học trò của ông khai sáng đã phát huy ba tác dụng chính sau đây: Đưa ra những quy tắc hoàn thiện cho chế độ quân chủ chuyên chế của Trung Hoa với những lí luận chắc chắn; Xây dựng được quan điểm vững chắc về gia đình (gia tộc) và quan điểm xã hội; Hình thành tư tưởng đạo đức và giá trị xã hội hơn trong 2.000 năm nay của người Trung Hoa.



* Một quốc gia cổ thời nhà Chu, tồn tại từ đầu thời Chu đến cuối thời Chiến Quốc, kinh đô ở Thương Khâu. Tống bị liên quân ba nước Tề, Ngụy và Sở tiêu diệt năm 286 TCN.

Lão Tử

Lão Tử ra đời vào khoảng năm 570 TCN, là nhà tư tưởng nổi tiếng thời kì Xuân Thu. Ông là người khai sáng trường phái Đạo gia. Theo ghi chép trong "Sử ký", Lão Tử họ Lý, tên Nhĩ, tự là Đam, người huyện Khổ, nước Sở. Ông từng làm quan sử phụ trách quản lí thư viện triều đình nhà Chu, chính vì vậy ông có cơ hội tiếp xúc và tìm hiểu các loại sách kinh điển cùng nhiều luồng tư tưởng. Đây là một trong những điều kiện quan trọng để ông trở thành người sáng lập ra Đạo giáo. Lý Nhĩ cư trú nhiều năm tại Lạc Ấp, học vấn ngày càng sâu rộng, thanh danh mỗi lúc một vang xa, vì thế, mọi người đều tôn ông là Lão Tử.

Về sau, triều đình nhà Chu xảy ra nội loạn, Lão Tử bị liên lụy nên từ quan về ở ẩn. Ông cuối trâu, khi tới cửa ải Hàm Cốc, theo lời thỉnh cầu

của viên quan gác cửa tên là Doãn Hỷ, ông đã viết một cuốn sách nói về đạo đức tổng cộng hơn 5.000 từ, sau đó mới rời đi. Từ đó về sau, không ai biết tung tích của ông ở đâu. Nghe nói Lão Tử thọ hơn 160 tuổi, cũng có người nói ông thọ hơn 200 tuổi.

Cuốn sách 5.000 từ mà Lão Tử để lại cho đời sau chính là "Đạo đức kinh", cuốn sách kinh điển của Đạo giáo, phản ánh toàn diện tư tưởng triết học của Lão Tử. "Đạo đức kinh" chia thành hai phần là "Đạo kinh" và "Đức kinh".



Trận Trường Bình

Năm 262 TCN, quân Tần bao vây tấn công quân Thượng Đảng của nước Hàn. Quân thủ của Thượng Đảng là Phùng Đình không chống đỡ nổi, bèn đem dâng Thượng Đảng cho vua Triệu, mượn quân Triệu để chống Tần. Nước Triệu cử đại quân cấm chốt tại ải Trường Bình ở phía Nam Thượng Đảng, dẫn đến trận đánh lớn giữa quân Tần và quân Triệu.

Mới đầu, vua Triệu lệnh cho Liêm Pha làm tướng. Liêm Pha dựa vào địa thế hiểm yếu hào hào đắp lũy, áp dụng sách lược cố thủ không đánh, ròng rã suốt 3 năm trời quân Tần tấn công mãi mà không phá được.

Năm 260 TCN, vua Tần cử người sang nước Triệu phao tin rằng nước Tần không sợ Liêm Pha mà chỉ sợ Triệu Quát. Vua Triệu trúng kế, thay Triệu Quát làm tướng.

Tuy là con trai của danh tướng nước Triệu là Triệu Xa, nhưng Triệu Quát chỉ biết "bàn việc binh trên giấy", không có kinh nghiệm chiến đấu thực tế. Nước Tần lợi dụng nhược điểm kiêu ngạo, chủ quan khinh địch của Triệu Quát, khi giao chiến họ giả vờ không địch nổi quân Triệu, liên tục lùi về phía sau. Triệu Quát tưởng quân Tần đã thua, bèn dẫn quân Triệu phá lũy xuất kích, tấn công vào trận địa của quân Tần.

Quân Tần đã sớm phòng bị nên quân Triệu không thể công phá.

Khi đó, tướng chỉ huy của quân Tần là Bạch Khởi cử ra hai đội kỵ binh, dàn trận hai bên đánh vòng sau lưng, cắt đứt đường lui của quân Triệu. Quân Triệu bị bao vây chặt nên đành đắp lũy cố thủ. Vua Triệu nghe tin giật mình hoảng sợ, vội cho quân chi viện. Vua Tần sau khi biết được nước Triệu sẽ cử quân cứu viện tới, bèn huy động những nam đinh đủ 15 tuổi ở vùng Hà Nội (nay là Tầm Dương, Hà Nam, Trung Quốc) tham gia trận đánh Trường Bình, chặn đứng quân cứu viện của nước Triệu.

Tháng 9, Triệu Quát chia quân Triệu thành bốn đội luân phiên tấn công hào lũy mở một con đường máu, nhưng không thành công. Triệu Quát bị trúng tên chết, hơn 400.000 binh sĩ buộc phải đầu hàng quân Tần. Bạch Khởi vì sợ quân Triệu sau này làm phản nên chỉ cho 240 người nhỏ tuổi hoặc yếu ớt quay về nước Triệu, số người còn lại bị quăng xuống hố chôn tập thể.

Trận Trường Bình giữa quân Triệu và quân Tần đã kết thúc với kết quả là quân Triệu thất bại thảm hại và tổng số người chết lên tới hơn 450.000 người, quân Tần cũng chết trận quá nửa, thế lực nước Triệu vì thế mà suy yếu rất nhiều.



Những cuộc chinh phạt của nhà Tấn

Cuối thời Chiến Quốc, thực lực kinh tế của nước Tấn đã vượt xa so với 6 nước còn lại, quân sự cũng đã lớn mạnh và tinh nhuệ.

Khoảng năm 230 TCN, Tấn tiêu diệt nước Hàn. Khoảng năm 228 TCN, Tấn tiêu diệt nước Triệu, thành Hàm Đan trở thành một quận của nước Tấn. Khoảng năm 225 TCN, Tấn tiêu diệt nước Ngụy. Khoảng năm 223 TCN, Tấn tiêu diệt nước Sở. Khoảng năm 222 TCN, Tấn tiêu diệt nước Yên, nước Đại (sau khi nước Triệu diệt vong, Triệu Vương Gia xây dựng quốc gia trên đất Đại). Khoảng năm 221 TCN, Tấn diệt nước Tề. Cứ như vậy, với khí thế như chẻ tre, nước Tấn đã hoàn thành cuộc chiến tranh tiêu diệt 6 nước, thống nhất thiên hạ. Các nhà sử học thường coi năm 221 TCN là năm bắt đầu triều đại nhà Tấn.

Cơ cấu hành chính địa phương của nhà Tấn

Quận là đơn vị hành chính cao nhất ở địa phương trực thuộc nhà Tấn. Quận thủ chủ trì toàn bộ công việc, nghe theo mệnh lệnh của triều đình, đôn đốc các huyện trực thuộc. Quận còn có thêm quận úy phụ trách quân đội, trực tiếp dẫn dắt binh sĩ; quận giám (còn gọi là giám ngự sử) chuyên giám sát công việc hành chính của quận, kiểm soát quận thú.

Dưới quận là các huyện do huyện lệnh (không tới 10.000 hộ dân thì gọi là huyện trưởng) chủ trì công việc, huyện úy phụ trách quân sự và trị an, huyện thừa phụ trách tư pháp.

Quan sử của quận huyện đều do triều đình bổ nhiệm và bãi miễn. Dưới cấp huyện là hương, thôn.

Triển Tấn lập tam công cửu khanh

Ba chức quan cao nhất của triều đại nhà Tấn lần lượt là thừa tướng, ngự sử đại phu và thái úy. Thừa tướng là trợ thủ thứ nhất của hoàng đế, là người lãnh đạo bách quan, hỗ trợ hoàng đế xử lý công việc triều chính. Ngự sử đại phu là cấp phó của thừa tướng, địa vị tương đương với phó thừa tướng, phụ trách quản lý tấu chương, truyền đạt chiếu lệnh và giám sát bách quan. Còn thái úy là tổng chỉ huy quân đội của triều Tấn. Thừa tướng, ngự sử đại phu, thái úy được người đời sau gọi chung là "tam công".

Dưới "tam công" chính là "cửu khanh". "Cửu" ở đây nghĩa là "nhiều". "Cửu khanh" là chỉ các chức quan chính của các bộ như đình úy quản lý hình ngục và tư pháp, trị túc nội sử quản lý tiền bạc và lương thực...

Bộ máy quan lại do Tấn Thủy Hoàng xây dựng có hai đặc điểm rõ rệt:

Thứ nhất, nó là thể chế hành chính trung

ương lấy quyền lực của hoàng đế là trung tâm. "Tam công cửu khanh" phân công rất nghiêm ngặt, mỗi người một chức trách nhưng trung tâm quyền lực vẫn là hoàng đế. Các chức quan cao nhất, chẳng hạn như "tam công" kiểm soát lẫn nhau, bất cứ ai cũng không thể độc chiếm quyền lực, quyền lực về quân sự và chính trị hoàn toàn nằm trong tay một mình hoàng đế.

Thứ hai, các chức quan trong "cửu khanh" như phụng thường, tổng chính, lang trung lệnh, thiếu phủ... chỉ là phục vụ cho cá nhân hoàng đế, đó là đặc điểm thống trị của thời đại phong kiến.



Tấn Thủy Hoàng xây dựng Trường Thành

Trường Thành được xây dựng sớm nhất vào khoảng thế kỉ 7 TCN, đó là thời kì Xuân Thu Chiến Quốc, các nước xây dựng hàng trăm hàng ngàn ki-lô-mét tường thành để phòng lẫn nhau. Ngoài ra, để phòng các dân tộc du mục phương Bắc, ba nước Tấn, Triệu, Yên còn xây dựng công trình phòng ngự rất dài. Những đoạn tường thành nơi biên cương đó khác hẳn với tường thành của thành trì thông thường.

Sau khi Tấn Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa, để ngăn chặn quân Hung Nô xâm lược xuống phía Nam, ông không những cho sửa sang và nối liền các đoạn tường thành phòng ngự vốn có của ba nước Tấn, Triệu, Yên từ thời Chiến Quốc mà còn cho xây thêm những đoạn tường thành mới. Trường Thành ở thời kì này được chia làm ba đoạn, đầu phía Đông đến tận bờ Bắc sông Đại Đồng, Bình Nhưỡng, Triều Tiên ngày nay; đầu phía Tây đến tận huyện Mãn, tỉnh Cam Túc, chiều dài hơn 10.000 dặm (5.000 km), là dãy Vạn Lý Trường Thành trong lịch sử Trung Hoa.

Hung Nô

Hung Nô là một dân tộc rất hùng mạnh ở phía Bắc Trung Hoa. Thời nhà Chu, họ bị gọi là Bạch狄 hay Nhung (dân tộc man rợ), đến thời Tấn Hán thì bị gọi là Hung Nô hay Hồ.

Người Hung Nô xuất hiện sớm nhất ở vùng Hà Sáo, Hoàng Hà, thủ lĩnh của họ được gọi là thiến vu. Họ chăn thả các loài gia súc như bò, ngựa, dê..., trên thảo nguyên, họ giỏi cưỡi ngựa và bắn cung. Sau khi Mặc Đốn trở thành thiến vu, Hung Nô trở nên hùng mạnh. Thời kì đầu của triều Hán, do không thể đối phó với Hung Nô nên triều đình đành kết thông gia. Đến thời Hán Vũ Đế mới bắt đầu tấn công Hung Nô. Đến thời Đông Hán, dưới sự tấn công ồ ạt của nhà Hán, Hung Nô bắt đầu suy yếu, một bộ phận người Hung Nô hòa hợp với dân tộc Hán, một bộ phận khác thì di cư về phía Tây, đến thế kỉ 4-5 thì tiến vào châu Âu, họ đã đánh bại người German, gây ra cuộc đại di cư của các dân tộc, dẫn tới sự sụp đổ của đế quốc Tây La Mã.

Lăng mộ Tấn Thủy Hoàng

Lăng mộ Tấn Thủy Hoàng nằm ở phía Bắc chân núi Ly Sơn, phía Đông huyện Lâm Đồng, thành phố Tây An. Đây là lăng mộ có quy mô lớn nhất trong số lăng mộ của các bậc đế vương Trung Hoa và cũng là khu lăng mộ có nhiều đồ vật tùy táng nhất.

Năm 246 TCN, khi vừa mới lên ngôi, Tấn Vương Doanh Chính đã bắt đầu cho xây dựng lăng mộ, cho đến tận khi nhập táng vào năm 210 TCN, công trình xây dựng lăng mộ kéo dài tới 37 năm, số lượng nhân công sử dụng khi nhiều nhất lên đến hơn 700.000 người. Phần đất đắp nổi bao phủ trên lăng mộ hình chiếc dùi vuông có đỉnh bằng, phần đáy từ Nam đến Bắc dài 515 m, từ Đông sang Tây rộng 485 m, cao 115 m. Trải qua hơn 2.000 năm do bị mưa gió bào mòn và con người phá hoại, hiện tại phần đáy từ Nam đến Bắc chỉ dài 350 m, từ Đông sang Tây chỉ rộng 345 m, cao 76 m.

Xung quanh lăng mộ có hai lớp tường thành, chu vi thành bên trong là 3.875 m, chu vi thành bên ngoài là 6.210 m. Bốn phía đều có cổng. Theo thăm dò khảo cổ, ở bên trong và bên ngoài khu lăng mộ, người ta đã phát hiện ra các hầm bốc táng, mộ bốc táng và hơn 500 ngôi mộ của những người xây mộ. Những thứ quan trọng trong hầm bốc táng gồm có: hầm binh mã, hầm cỗ xe ngựa bằng đồng, hầm chuồng ngựa, hầm chim thú quý hiếm cùng với các hầm phụ táng. Ngoài ra, người ta còn phát hiện ra số lượng lớn các di chỉ kiến trúc cung điện như tấm cung, tiện điện, miếu mạo, nơi ở của quan lại... Cả khu lăng mộ tựa như một kho báu văn vật phong phú dưới lòng đất.

Đặc biệt hầm binh mã với hàng ngàn hàng vạn tượng binh mã trông vô cùng tráng lệ được coi là "kì quan thứ 8 của thế giới".